

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Châu Thành, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

Ngày ... tháng ... năm 202...

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**

Ngày ... tháng ... năm 2024

**CƠ QUAN LẬP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
UBND HUYỆN CHÂU THÀNH
CHỦ TỊCH**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH SÁCH CÁC BẢNG	iv
DANH SÁCH HÌNH.....	vii
DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vii
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Mục đích của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.....	1
2. Căn cứ pháp lý lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	2
3. Tổ chức thực hiện.....	4
4. Sản phẩm dự án	4
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	5
1.1.1. Vị trí địa lý	5
1.1.2. Địa hình, địa mạo	6
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	7
1.2.1. Tài nguyên đất.....	7
1.2.2. Tài nguyên nước.....	7
1.2.3. Tài nguyên rừng.....	8
1.3. Thực trạng môi trường.....	8
1.4. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên và môi trường, kinh tế xã hội của huyện Châu Thành và các biện pháp ứng phó	9
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	10
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	10
2.1.1. Tăng trưởng kinh tế	10
2.1.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế	10
2.2. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và tập quán có liên quan đến sử dụng đất	13
2.2.1. Dân số và phân bố dân cư	13
2.2.2. Lao động, việc làm.....	13
2.2.3. Văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao và thông tin - truyền thông	14

2.2.4. Y tế.....	14
2.2.5. Giáo dục và Đào tạo.....	15
2.3. Đánh giá chung	15
2.3.1. Những lợi thế chính cho việc khai thác sử dụng đất	15
2.3.2. Những hạn chế ảnh hưởng đến vấn đề sử dụng đất.....	15
III. ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	16
3.1. Các nguồn lực tự nhiên tác động đến việc sử dụng đất.....	16
3.2. Các nguồn lực con người tác động đến việc sử dụng đất	17
IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	18
4.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.....	18
4.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất	19
4.2.1. Hiện trạng sử dụng đất của từng loại đất	19
4.2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất.....	24
4.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích, thực hiện thu hồi trên địa bàn huyện	42
4.3.1. Đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.....	42
4.3.1. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong năm 2024.....	44
4.4. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.....	45
4.4.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế.....	45
4.4.2. Đánh giá hiệu quả xã hội.....	45
4.4.3. Đánh giá hiệu quả môi trường	46
4.5. Đánh giá những mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	46
4.5.1. Những mặt đạt được.....	46
4.5.2. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	47
4.5.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	47
4.5.4. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	49
V. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	50
5.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện	50
5.2. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	51

5.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất	51
5.3.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch	51
5.3.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	53
5.3.3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch.....	53
5.3.4. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã..	55
5.3.5. Định hướng sử dụng đất.....	89
5.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	91
5.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	91
5.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	93
5.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm 2025	95
5.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2025	95
VI. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	98
6.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	98
6.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	98
6.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	99
6.4. Các giải pháp khác	100
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	101
1. KẾT LUẬN	101
2. KIẾN NGHỊ.....	101

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Dân số huyện Châu Thành đến cuối năm 2023	13
Bảng 2: Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp năm 2024 huyện Châu Thành	19
Bảng 3: Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp năm 2024 huyện Châu Thành	20
Bảng 4: Danh mục đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm trước	24
Bảng 5: Danh mục đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất.....	25
Bảng 6: Danh mục công trình, dự án quá 02 năm chuyển tiếp	26
Bảng 7: Danh mục công trình, dự án chưa quá 02 năm chuyển tiếp.....	31
Bảng 8: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	33
Bảng 9: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của huyện Châu Thành.....	43
Bảng 10: Kết quả thu hồi đất năm 2024 của huyện Châu Thành.....	44
Bảng 11: Danh mục các công trình, dự án chuyển tiếp từ KHSDĐ năm trước	52
Bảng 12: Danh mục đăng ký mới trong năm kế hoạch	53
Bảng 13: Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành	55
Bảng 14: Chỉ tiêu KHSDĐ đất nông nghiệp theo đơn vị hành chính	57
Bảng 15: Chỉ tiêu KHSDĐ đất trồng lúa theo đơn vị hành chính.....	57
Bảng 16: Chỉ tiêu KHSDĐ đất trồng cây hàng năm khác theo đơn vị hành chính.....	58
Bảng 17: Danh mục các công trình đất trồng cây hàng năm khác	59
Bảng 18: Chỉ tiêu KHSDĐ đất trồng cây lâu năm theo đơn vị hành chính	59
Bảng 19: Danh mục các công trình đất trồng cây lâu năm.....	60
Bảng 20: Chỉ tiêu KHSDĐ đất rừng sản xuất theo đơn vị hành chính	60
Bảng 21: Chỉ tiêu KHSDĐ đất nuôi trồng thủy sản theo đơn vị hành chính	60
Bảng 22: Chỉ tiêu KHSDĐ đất nông nghiệp khác theo đơn vị hành chính.....	61
Bảng 23: Danh mục các công trình đất nông nghiệp khác	62
Bảng 24: Chỉ tiêu KHSDĐ đất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính	62
Bảng 25: Chỉ tiêu KHSDĐ đất ở tại nông thôn theo đơn vị hành chính.....	63
Bảng 26: Danh mục các công trình đất ở tại nông thôn	64
Bảng 27: Chỉ tiêu KHSDĐ đất ở tại đô thị theo đơn vị hành chính.....	65
Bảng 28: Danh mục các công trình đất ở tại đô thị	65

Bảng 29: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng trụ sở cơ quan theo đơn vị hành chính	66
Bảng 30: Chỉ tiêu KHSDD đất quốc phòng theo đơn vị hành chính	67
Bảng 31: Chỉ tiêu KHSDD đất an ninh theo đơn vị hành chính	67
Bảng 32: Danh mục các công trình đất an ninh	68
Bảng 33: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng công trình sự nghiệp theo đơn vị hành chính	69
Bảng 34: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở văn hóa theo đơn vị hành chính	69
Bảng 35: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở y tế theo đơn vị hành chính.....	70
Bảng 36: Danh mục các công trình y tế	70
Bảng 37: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo theo đơn vị hành chính	71
Bảng 38: Danh mục các công trình cơ sở giáo dục và đào tạo.....	72
Bảng 39: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao theo đơn vị hành chính	72
Bảng 40: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng công trình sự nghiệp khác theo đơn vị hành chính	73
Bảng 41: Danh mục các công trình xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp.....	73
Bảng 42: Chỉ tiêu KHSDD đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính	74
Bảng 43: Chỉ tiêu KHSDD đất khu công nghiệp theo đơn vị hành chính	74
Bảng 44: Chỉ tiêu KHSDD đất cụm công nghiệp theo đơn vị hành chính.....	75
Bảng 45: Danh mục các công trình đất cụm công nghiệp.....	75
Bảng 46: Chỉ tiêu KHSDD đất thương mại, dịch vụ theo đơn vị hành chính.....	76
Bảng 47: Danh mục các công trình đất thương mại, dịch vụ	77
Bảng 48: Chỉ tiêu KHSDD đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính	77
Bảng 49: Danh mục các công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	77
Bảng 50: Danh mục đăng ký thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	78
Bảng 51: Chỉ tiêu KHSDD đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo đơn vị hành chính	78
Bảng 52: Chỉ tiêu KHSDD đất sử dụng vào mục đích công cộng đơn vị hành chính ..	79
Bảng 53: Chỉ tiêu KHSDD đất công trình giao thông theo đơn vị hành chính.....	80
Bảng 54: Danh mục các công trình đất công trình giao thông	80

Bảng 55: Chỉ tiêu KHSDĐ đất công trình thủy lợi theo đơn vị hành chính	80
Bảng 56: Chỉ tiêu KHSDĐ đất công trình xử lý chất thải theo đơn vị hành chính.....	81
Bảng 57: Chỉ tiêu KHSDĐ đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng theo đơn vị hành chính	82
Bảng 58: Danh mục các công trình đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	82
Bảng 59: Chỉ tiêu KHSDĐ đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo đơn vị hành chính	82
Bảng 60: Chỉ tiêu KHSDĐ đất chợ dân sinh, chợ đầu mối theo đơn vị hành chính.....	83
Bảng 61: Chỉ tiêu KHSDĐ đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng theo đơn vị hành chính	84
Bảng 62: Danh mục các công trình đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	84
Bảng 63: Chỉ tiêu KHSDĐ đất tôn giáo theo đơn vị hành chính	85
Bảng 64: Danh mục các công trình đất cơ sở tôn giáo.....	85
Bảng 65: Chỉ tiêu KHSDĐ đất tín ngưỡng theo đơn vị hành chính.....	85
Bảng 66: Chỉ tiêu KHSDĐ đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt theo đơn vị hành chính.....	86
Bảng 67: Chỉ tiêu KHSDĐ đất có mặt nước chuyên dùng theo đơn vị hành chính.....	87
Bảng 68: Diện tích các loại đất cần thu hồi.....	91
Bảng 69: Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng	93
Bảng 70: Cân đối thu – chi liên quan đến đất đai.....	96

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1: Vị trí huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng	5
Hình 2: Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành	88

DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
BĐKH	Biến đổi khí hậu
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
DTTN	Diện tích tự nhiên
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTSDĐ	Hiện trạng sử dụng đất
KHSDĐ	Kế hoạch sử dụng đất
KT-XH	Kinh tế - xã hội
MTQG	Mục tiêu Quốc gia
QHSDĐ	Quy hoạch sử dụng đất
SDĐ	Sử dụng đất
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TTCN	Tiểu thủ công nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân
XDCB	Xây dựng cơ bản

ĐẤT VẠN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia, là cơ sở không gian của mọi quá trình sản xuất, là tư liệu sản xuất đặc biệt không có gì thay thế được, là thành phần quan trọng nhất của môi trường sống và là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2013 đã quy định *“Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”* (Khoản 1 Điều 54).

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 18 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai theo Điều 20 Luật Đất đai 2024. Đồng thời nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được quy định cụ thể tại Chương 5 với 18 điều (từ Điều 60 đến Điều 77 Luật Đất đai 2024), trong đó tại Khoản 4 Điều 62 Luật Đất đai 2024 đã quy định *“Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được lập hàng năm”*.

Mục đích của xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm là nhằm cụ thể và chi tiết hóa quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt, làm căn cứ để Nhà nước thực hiện thẩm quyền về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đồng thời để quản lý và sử dụng quỹ đất một cách khoa học và chặt chẽ. Bên cạnh đó, việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu đất đai cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu phát triển của các ngành, các lĩnh vực trên nguyên tắc phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, hợp lý.

Do vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành là nhiệm vụ phải thực hiện, nhằm cụ thể hóa công tác quản lý và nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025. Kế hoạch sử dụng đất sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý của công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Nhằm khai thác và phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh trên địa bàn huyện.

1. Mục đích của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

- Cụ thể hóa và chi tiết hóa quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt, làm căn cứ để Nhà nước thực hiện thẩm quyền về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025.

- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với nhu cầu thực tế hàng năm của các cấp xã, thị trấn.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các ngành,

các cấp theo quy hoạch đã được phê duyệt phải được cân đối trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chồng chéo trong quá trình sử dụng.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

2. Căn cứ pháp lý lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

2.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 8 năm 2018;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về việc Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/ 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

- Thông tư số 08/2025/TT-BTNMT ngày 31/7/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành về định mức kinh tế - kỹ thuật và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 20/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Những cơ sở lập kế hoạch và tài liệu liên quan

- Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế về tiêu chuẩn thiết kế Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

- Quyết định số 3013/QĐ-BYT ngày 22/6/2021 của Bộ Y tế về việc phê

duyet kế hoạch tổng thể chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn, sử dụng nguồn vốn vay và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển Châu Á;

- Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

- Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 27/04/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng hủy danh mục dự án cần thu hồi đất, mức bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới tại khoản 1 Điều 1 và số thứ tự 2 Mục III Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 10/5/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính Phủ;

- Dự thảo Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Sóc Trăng;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được phê duyệt tại Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được phê duyệt tại Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

- Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Châu Thành nhiệm kỳ 2020-2025;

- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội đầu năm 2024 huyện Châu Thành;

- Căn cứ các đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Châu Thành đã được phê duyệt;

- Số liệu kiểm kê, thống kê đất đai năm 2023, ước thực hiện năm 2024; Các tài liệu, số liệu liên quan...

- Nhu cầu sử dụng đất và Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị các xã, thị trấn, các khu dân cư và các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn huyện năm 2025.

3. Tổ chức thực hiện

- **Cơ quan quyết định đầu tư:** UBND huyện Châu Thành.

- **Cơ quan chủ đầu tư:** Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành.

- **Cơ quan thực hiện tư vấn:** Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp.

- **Cơ quan phối hợp:** UBND 07 xã và thị trấn; Các Phòng ban, Ngành huyện Châu Thành; Công An, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Châu Thành; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký QSDĐ huyện Châu Thành; Chi cục Thống kê khu vực Châu Thành-Mỹ Tú; Trung tâm Y tế huyện Châu Thành.

4. Sản phẩm dự án

1. Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp “Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành”, trong đó có các bảng biểu và phụ lục.

3. Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành (tỉ lệ 1/25.000).

4. Đĩa CD ghi các sản phẩm trên (không bao gồm tài liệu mục 1).

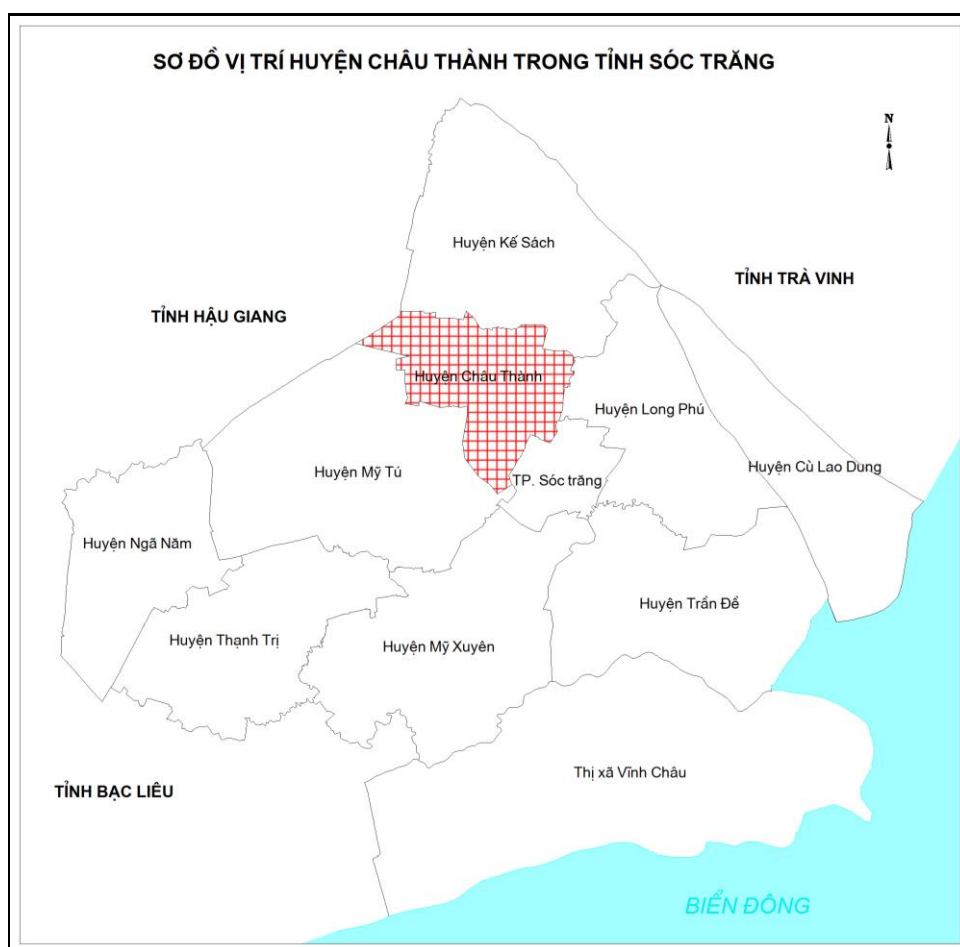
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Châu Thành nằm ở phía Tây tỉnh Sóc Trăng, bao gồm 07 xã và 01 thị trấn. Ranh giới của huyện được xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Kế Sách;
- + Phía Đông giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Long Phú;
- + Phía Tây Nam giáp huyện Mỹ Tú;
- + Phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang.



Hình 1: Vị trí huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng

Huyện Châu Thành có tổng diện tích tự nhiên 23.614,61 ha (theo Thống kê đất đai năm 2023), cách thành phố Sóc Trăng 13 km về phía Đông Nam và cách thành phố Cần Thơ khoảng 55 km về phía Tây Bắc, có Quốc lộ 1, Quốc lộ 60 và các Đường tỉnh chạy qua địa bàn huyện là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài huyện. Thị trấn Châu Thành có diện tích 787,87 ha là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội

của huyện.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Theo Bản đồ địa chất và khoáng sản Việt Nam của Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam, địa hình, địa mạo của huyện Châu Thành có đặc điểm như sau:

Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ +0,3 m đến +1,2 m. Địa chất của huyện được hình thành bởi các tầng địa chất chủ yếu là trầm tích mới. Độ sâu từ 0 - 20 m phổ biến là đất sét pha thịt có độ dẻo cao và mềm chịu lực kém. Độ sâu từ 20 – 21 m là đất sét có độ dẻo trung bình và thấp, chịu lực tốt.

Huyện có hướng dốc chính nghiêng từ Đông Nam sang Tây Bắc, với 1/3 diện tích đất nằm ở vùng tương đối cao, tập trung ở các xã Phú Tân, Phú Tâm, An Hiệp và An Ninh. Phần diện tích còn lại nằm ở vùng trung bình đến thấp tập trung ở các xã Hồ Đắc Kiện, Thiện Mỹ và một phần ở các xã Phú Tâm, Phú Tân, Thuận Hoà, An Hiệp, An Ninh và thị trấn Châu Thành.

1.1.3. Khí hậu

Huyện Châu Thành là một phần lãnh thổ của tỉnh Sóc Trăng, do vậy, các đặc điểm về khí hậu, thời tiết của huyện, cơ bản giống như số liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh. Theo số liệu Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2022 ước đến 31/12/2023, huyện Châu Thành nằm trong vùng nhiệt đới cận xích đạo, khí hậu có những đặc trưng chính như sau:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm 26,8°C; nhiệt độ bình quân cao nhất 31,1°C; nhiệt độ bình quân thấp nhất 23,8°C.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm 1.840 mm, phân bố theo mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài 7 tháng (tháng 5 đến tháng 11).

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 83,4%, mùa mưa độ ẩm cao có thể đạt tới 88%, các tháng có độ ẩm thấp trung bình 77,3%.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 2372 giờ, các tháng có số giờ nắng cao từ tháng 3 đến tháng 9 trung bình đạt 260 giờ/tháng (cao nhất vào tháng 5), các tháng có số giờ nắng thấp từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau trung bình 120-130 giờ/tháng (thấp nhất vào tháng 12).

- Gió: Hướng gió thịnh hành là gió Đông từ tháng 11 đến tháng 4; gió Đông Nam tháng 5; gió Tây tháng 6 đến tháng 9; gió Tây Nam tháng 10. Tốc độ gió trung bình năm là 3,9 m/s, trung bình tháng lớn nhất là 4,9 m/s, trung bình tháng nhỏ nhất là 3,1 m/s.

1.1.4. Thủy văn

Theo báo cáo hàng năm của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Sóc Trăng, chế độ thủy văn trên địa bàn huyện có chế độ bán nhật triều biển Đông ảnh hưởng trực tiếp đến huyện và chảy vào huyện theo hai hướng chính: Hướng từ sông

Hậu chảy qua các kênh Quản lộ Phụng Hiệp, kênh Phụng Hiệp – Sóc Trăng, kênh 30/4 và các kênh thủy lợi; Hướng từ sông Mỹ Thanh đổ vào qua sông Nhu Gia theo kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng bị ngăn chặn, chủ động bởi các cống ngăn mặn, điều tiết nước. Nên được chia làm 2 vùng như sau:

- Vùng 1: Từ Quốc lộ 1 về hướng Đông Bắc đến Kế Sách và Long Phú, chịu ảnh hưởng trực tiếp của triều biển Đông thông qua sông Hậu và thông qua 2 trục kênh chính của vùng là kênh 30/4 và kênh An Mỹ - 30/4; với biên độ triều trung bình từ 0,5 – 1 m, thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Vùng 2: Từ Quốc lộ 1 đến phía Tây Nam giáp huyện Mỹ Tú, kênh Tân Lập và sông Nhu Gia, chịu ảnh hưởng của triều biển Đông thông qua kênh Quản lộ Phụng Hiệp, và chịu ảnh hưởng của triều sông Nhu Gia thông qua các cống điều tiết nước ở dọc theo kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng, sông Nhu Gia; có biên độ triều từ 0,5 – 0,7 m, hay bị gập úng ở phía bắc gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả dự án Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu; Điều tra thoái hóa đất lần đầu tỉnh Sóc Trăng năm 2018 cho thấy, trên địa bàn của huyện Châu Thành được chia làm 4 nhóm đất chính sau:

- Nhóm đất phèn chiếm 15,32% tổng diện tích tự nhiên (trong đó: Nhóm đất phèn tiềm tàng chiếm 10,12% tổng diện tích tự nhiên; Nhóm đất phèn hoạt động chiếm 5,85% tổng diện tích tự nhiên). Tập trung nhiều ở vùng thấp xa xưa bị nước mặn xâm nhập như các xã: Hồ Đắc Kien và một phần ở xã Thiện Mỹ. Việc sử dụng nhóm đất này phụ thuộc nhiều vào khả năng tưới tiêu.

- Nhóm đất phù sa: Được bồi đắp chủ yếu bởi hệ thống sông Hậu, có hàm lượng phù sa dồi dào (chiếm 48,86% diện tích tự nhiên của huyện). Đây là nhóm đất phù sa ngọt không có phèn và ít bị nhiễm mặn, được bồi đắp hàng năm. Tập trung ở các xã có địa hình từ trung bình đến cao như: một phần ở xã Hồ Đắc Kien, Thiện Mỹ, Thuận Hoà, An Ninh, An Hiệp...

- Nhóm đất giồng cát: Là sự hình thành các giồng cát, được cấu tạo bởi cát mịn thường có dạng vòng cung kéo dài (chiếm 0,68% diện tích tự nhiên). Phân bố dọc theo Đường tỉnh 932 của các xã Phú Tâm, Phú Tân và An Hiệp và dọc theo Đường tỉnh 938 của xã An Ninh; thích hợp cho các cây rau, màu.

- Nhóm đất nhân tác: Được hình thành trong quá trình lên liếp, phân bố rải rác toàn huyện (chiếm 14,91% tổng diện tích tự nhiên).

1.2.2. Tài nguyên nước

Theo Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, tài nguyên nước huyện Châu Thành có tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước ngầm, cụ thể như sau:

- Nước mặt: Chịu ảnh hưởng bởi sông Hậu là chính cung cấp nước ngọt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện. Các kênh rạch phân bố khá đều là tiềm năng lớn cho việc vận chuyển đường thủy. Ngoài ra nước mặt còn chịu ảnh hưởng bởi sông Mỹ Thanh thông qua sông Nhu Gia, kênh Phụng Hiệp - Sóc Trăng và vào địa bàn huyện qua hệ thống đê, cống điều tiết nước.

- Nước ngầm: Nguồn nước ngầm được khai thác sử dụng cho việc sinh hoạt của nhân dân trong huyện bằng giếng khoan. Chất lượng nước phụ thuộc vào độ sâu của giếng khoan.

+ Tầng sâu đến 30 m nước bị nhiễm mặn, độ mặn khoảng 1g/lít và nhiễm bản hữu cơ cao. Chất lượng phụ thuộc vào nước mặt, như vậy tầng nước ngầm sâu dưới 30 m được khai thác sử dụng.

+ Tầng sâu 80 m - 200 m chất lượng nước khá tốt, được khai thác sử dụng cho sinh hoạt. Tính chất lý, hóa, sinh trong nước như sau: pH = 7,5 - 8,4; hàm lượng sắt từ 0,11 - 0,82 g/lít; độ mặn 100 - 200 mg/lít.

+ Tầng sâu 300 m chất lượng tốt hơn nhưng khai thác tốn kém nên ít được khai thác.

Nhìn chung, tài nguyên nước của huyện rất dồi dào, chất lượng nước tương đối tốt ít bị ô nhiễm vì thế có giá trị rất lớn trong việc phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân, nếu được khai thác và sử dụng hợp lý sẽ đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, đời sống của nhân dân giúp phần không nhỏ cho sự nghiệp phát triển kinh tế của huyện.

1.2.3. Tài nguyên rừng

Tài nguyên rừng của huyện tập trung chủ yếu ở lâm trường Phú Lợi thuộc xã Hồ Đắc Kiện. Theo thống kê đất đai của ngành tài nguyên và môi trường, diện tích đất rừng của huyện là 931,26 ha, trong đó, diện tích có cây rừng là 429,28 ha chủ yếu là rừng tràm tái sinh.

1.3. Thực trạng môi trường

Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường của huyện ngày càng được chú trọng. Vấn đề môi trường ngày càng được quan tâm hơn, ý thức bảo vệ môi trường và hệ sinh thái nông nghiệp ngày càng được nâng cao, góp phần hạn chế các sự cố môi trường trên địa bàn. Tuy nhiên, cần chú trọng một số vấn đề về môi trường như sau:

- Môi trường đô thị và môi trường nước, tại một số khu vực đang chuyển từ đất nông nghiệp lên đất ở có hệ thống thoát nước chưa đồng bộ dẫn đến hiện tượng xả nước thải sinh hoạt dân cư trực tiếp trên đồng ruộng. Hiện tượng khoan giếng tầng nông tự phát, bắt đầu dẫn đến hiện tượng nhiễm sắt trên nhiều giếng.

- Hạ tầng kỹ thuật môi trường, đặc biệt là cấp nước và thoát nước tuy được cải thiện, nhưng mức độ đầu tư còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Khối lượng thu gom rác thải trên địa bàn huyện chủ yếu thực hiện ở các khu dân cư, chợ, các trục đường chính; rác thải của các hộ dân nhỏ lẻ thường tự xử lý.

- Tình trạng nhà vệ sinh, sử dụng nước sạch tại một số khu vực nông thôn còn hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp đã và đang phát triển rõ rệt, nhưng môi trường tài nguyên đất cũng đã và đang suy thoái do nông dân ngày càng lạm dụng phân bón và thuốc hóa học để đẩy mạnh năng suất, ít chú ý đến vấn đề cải tạo và bồi bổ cho đất, một số nơi canh tác liên tục không để cho thời gian đất nghỉ, làm cho đất ngày càng cạn kiệt nguồn dinh dưỡng, độ màu mỡ và lưu tồn mầm bệnh. Việc lạm dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật tạo hiện tượng trực di ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên nước ngầm.

Trong tương lai, khi kinh tế phát triển sẽ hình thành các khu đô thị mới, khu sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, các trang trại chăn nuôi tập trung... với một lượng không nhỏ các chất thải công nghiệp, chăn nuôi, sinh hoạt... không thể tránh khỏi sẽ có tác động nhất định đến môi trường của huyện. Vì vậy cần phải dự kiến trước các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục ô nhiễm, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái trên địa bàn huyện.

1.4. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên và môi trường, kinh tế xã hội của huyện Châu Thành và các biện pháp ứng phó

a. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên và môi trường, kinh tế xã hội của huyện Châu Thành

Trong năm qua, huyện Châu Thành cũng đã và đang chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu. Diện tích đất bị xâm nhập mặn tăng, đất bị khô hạn, gây khó khăn trong việc sản xuất lương thực, nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất sinh hoạt khan hiếm hơn.

Theo báo cáo Tình hình kinh - tế xã hội năm 2024, trong năm vừa qua để chủ động ứng phó với tình hình xâm nhập mặn ngành chuyên môn đã bố trí lắp đặt 5 trạm quan trắc đo độ mặn. Đó đó, tình hình xâm nhập mặn không ảnh hưởng nhiều đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Để chủ động với việc phòng, chống mưa, ngập cục bộ, huyện đã triển khai thực hiện nạo vét 07 hệ thống công trình thủy lợi với tổng chiều dài 51.969,7 m, khối lượng 338.525,17 m³; hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng 3 cống: cống kênh hậu (nhà thờ), cống kênh hậu (trà canh AI) và cống 77 xã An Hiệp. Công tác phòng chống thiên tai và tiềm kiếm cứu nạn được quan tâm chỉ đạo thực hiện, huyện đã kịp thời hỗ trợ cho 06 hộ dân bị thiệt hại mưa bão, lốc xoáy, với số tiền trên 43 triệu đồng.

b. Các biện pháp ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu trong việc sử dụng đất, tài nguyên môi trường và kinh tế xã hội

Qua những tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến việc sử dụng đất,

tài nguyên và môi trường, huyện đề xuất những biện pháp ứng phó cụ thể như sau:

- Đối với những khu vực có địa hình thấp khi xây dựng cần áp dụng những biện pháp về đảm bảo độ cao cốt nền xây dựng để hạn chế những ảnh hưởng do biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu hướng chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông – ngư nghiệp, đất chuyên dùng và các biện pháp thích ứng kèm theo phù hợp với tiến độ biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Phân tích, nghiên cứu đề ra các giải pháp cụ thể về hạn chế biến đổi khí hậu, chính sách cải tạo đất để xây dựng nền sản xuất nông nghiệp bền vững. Khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với pháp triển mạnh ưu thế và đa dạng sinh học trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Tiến hành điều tra hiện trạng, xây dựng giải pháp kỹ thuật phòng chống xói mòn, sạt lở, đầu tư kiên cố một số đoạn đê xung yếu, tổ chức và huy động sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ, duy tu đê điều hàng năm.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả các công trình thủy lợi và hiệu suất tưới.

- Đẩy mạnh quản lý, bảo vệ rừng, chống suy giảm rừng tự nhiên.

- Khuyến khích, đẩy mạnh các hoạt động nông – lâm kết hợp, phát triển rừng bền vững.

- Đa dạng hóa các loại cây trồng, tích cực áp dụng các biện pháp ngăn mặn, tiếp ngọt để duy trì sản xuất nông nghiệp, bố trí cây trồng phù hợp, cải tiến kỹ thuật canh tác.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm với các yếu tố rủi ro, dịch bệnh, thách thức gia tăng. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến nền kinh tế. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp mang lại hiệu quả, qua đó tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tiếp tục có chuyển biến khả quan, kết quả đạt khá so với chỉ tiêu đề ra.

2.1.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

Theo báo cáo Tình hình thực hiện kinh tế - xã hội năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó, tập trung triển khai kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của huyện, kết quả như sau:

a. Sản xuất nông nghiệp

- Về cây lúa: Năm lương thực năm 2024 toàn huyện xuống giống được 41.788,3 ha, đạt 104,47% KH, thu hoạch 40.343 Ha, sản lượng 263.799 tấn, đạt 105,4% KH, tăng 4,53% so cùng kỳ, năng suất bình quân 6,54 tấn/ha, cụ thể: Vụ Đông Xuân đã xuống giống và thu hoạch 23.981,5ha, sản lượng 162.646 tấn; vụ Hè Thu xuống giống và thu hoạch được 16.361,5 ha, sản lượng 101.153 tấn; vụ Thu đông xuống giống dứt điểm được 1.445,3 ha, lúa đang trong giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đồng.

Trong đó: Diện tích lúa đặc sản, chất lượng cao xuống giống được 39.434 4 ha, sản lượng thu hoạch được 257.979,8 tấn (chiếm 97,79 % tổng sản lượng lúa cả năm), đạt 102,9% KH. Trong đó, lúa đặc sản, lúa thơm các loại xuống giống được 20.472,1 ha, sản lượng thu hoạch 133.928,5 tấn (chiếm 51,91% sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao), đạt 115,36% KH. Có 13.273 ha được ký kết bao tiêu, với sản lượng được bao tiêu là 86.805 tấn.

Tình hình xâm nhập mặn: Xâm nhập mặn xuất hiện tại khu vực huyện Châu Thành vào đầu tháng 01/2024, độ mặn tăng cao nhất vào ngày 11/3/2024 tại trạm Kênh 20 - Bình Điền là 2,63‰, sau đó giảm dần và không ảnh hưởng đến tình hình sản xuất nông nghiệp của huyện.

Vụ Đông xuân sớm (năm lương thực 2025) xuống giống được 6.182 ha, lúa trong giai đoạn mạ.

- Màu và cây công nghiệp ngắn ngày: Xuống giống được 2.555,7 ha, đạt 85,19% KH, tăng 18,85% so với cùng kỳ. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với doanh nghiệp triển khai hỗ trợ các hộ trồng cây ăn trái trên địa bàn huyện để xây dựng mã số vùng trồng đối với trái dừa (Hiện nay đang thực hiện tại xã Phú Tâm và xã Thiện Mỹ, với diện tích 100,7 ha, cho 156 hộ tham gia).

- Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc hiện có là 59.416 con, đạt 85,2% KH, tăng 1,9% so với cùng kỳ, trong đó: Đàn heo là 55.364 con, đàn bò là 4.052 con. Tổng đàn gia cầm hiện có là 1.805.863 con, đạt 106,23% KH, giảm 7,8% so với cùng kỳ, trong đó: Đàn gà 1.732.030 con (nuôi trong trang trại là 1.642.808 con, nuôi trong dân 89.222 con); đàn vịt là 69.965 con; ngan ngỗng là 3.868 con.

Thủy sản: Thả nuôi đến nay được 1.037,1 ha, đạt 103,7% KH, giảm 0,6% so với cùng kỳ; sản lượng thu hoạch được 1.302 tấn, đạt 37% KH. Hình thức nuôi chủ yếu là cá ao, cá vèo, nuôi với các loại cá như cá trê, cá tra, cá lóc, cá rô phi,....

- Công tác Thủy lợi - Giao thông nông thôn mùa khô năm 2024 đến nay đã thực hiện được 36.850 m³, đạt 117,4% KH, chủ yếu thực hiện các công trình giao thông nông thôn (phát quang, đắp lè lộ, trồng cây xanh), công trình thủy lợi nội đồng (khai thông dòng chảy, dọn dẹp thực vật thủy sinh).

- Xây dựng nông thôn mới: Đến nay, toàn huyện có 7/7 xã đạt chuẩn nông

thôn mới; các đơn vị, các xã, thị trấn đang thực hiện rà soát các tiêu chí thực hiện huyện nông thôn mới chuẩn bị cho công nhận vào năm 2024.

- Thực hiện chương trình OCOP: Tổng số sản phẩm đạt chứng nhận OCOP cấp tỉnh trên địa bàn huyện đến nay 42 sản phẩm (18 sản phẩm 4 sao và 24 sản phẩm 3 sao), tiếp tục hỗ trợ, khuyến khích, vận động và hướng dẫn các chủ thể lập hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình OCOP đối với các sản phẩm tiềm năng về làng nghề thủ công, các sản phẩm lập xưởng, bánh pía, mắm,...

b. Công nghiệp, thương mại, dịch vụ

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện năm 2024 (theo giá so sánh 2010) là 13.857 tỷ đồng (tăng 11,57% so cùng kỳ tương đương 1.437 tỷ đồng), trong đó: Công nghiệp địa phương 1.648 tỷ đồng (tăng 2,3% so với cùng kỳ, tương đương 37 tỷ đồng; Khu công nghiệp 12.209 tỷ đồng (tăng 12,9% so với cùng kỳ, tương đương 1.400 tỷ đồng). Đến thời điểm hiện tại, toàn huyện có 5.544 cơ sở (trong đó: 1.110 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và 4.434 cơ sở thương mại, dịch vụ).

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước thực hiện là 6.736 tỷ đồng (tăng 6,53% so cùng kỳ, tương đương 413 tỷ đồng).

c. Tài chính, đầu tư công

- Thu ngân sách nhà nước: Tiếp tục chỉ đạo các ngành, các xã, thị trấn trong công tác điều hành thu, chi ngân sách, đảm bảo khai thác tuyệt đối các lĩnh vực thu, chi đủ, chi đúng, có hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Thu ngân sách nhà nước đến 18/9/2024 là 46.534 triệu đồng, đạt 74% KH (tăng 5% so cùng kỳ)
- chi ngân sách trên, địa bàn đến nay là 430.151 triệu đồng, đạt 105% KH, tăng 10% so với cùng kỳ.

- Về xây dựng cơ bản: Ủy ban nhân dân huyện đã tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 ngay từ những tháng đầu năm; trong đó, yêu cầu các chủ đầu tư xây dựng lộ trình, phân công theo dõi cụ thể và cam kết tiến độ giải ngân từng dự án. Đồng thời, huyện đã thành lập Tổ công tác theo dõi, kiểm tra và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 trên địa bàn huyện do đồng chí Chủ tịch UBND làm tổ trưởng. Tổng kế hoạch vốn năm 2024 là 214.012 triệu đồng (đến ngày 16/9/2024) đã giải ngân được 118.802 triệu đồng, đạt 55,9% KH; trong đó: vốn tỉnh quản lý giải ngân được 65.699/84.868 triệu đồng, đạt 77,4% KH; vốn huyện quản lý giải ngân được 53.103/126.354 triệu đồng, đạt 41,7% KH; vốn xã quản lý giải ngân được 1.892/2.790 triệu đồng, đạt 67,8% KH.

Trong đó: Tổng kế hoạch vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG năm 2024 là 60.457 triệu đồng (vốn giao năm 2024 là 57.051 triệu đồng; vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024 là 3.045 triệu đồng). Kết quả (đến ngày 16/9/2024) giải ngân được 25.873 triệu đồng, đạt 42,8% (trong đó: vốn giao năm 2024 giải ngân được 25.847 triệu đồng, đạt 45,3% KH, vốn kéo dài 2023 sang năm 2024

giải ngân 25,9 triệu đồng, đạt 0,76% KH).

2.2. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và tập quán có liên quan đến sử dụng đất

2.2.1. Dân số và phân bố dân cư

Theo số liệu Chi cục Thống kê khu vực Châu Thành-Mỹ Tú đến 31/12/2023. Châu Thành được xem là một trong những huyện có mật độ dân số cao, tuy nhiên sức ép về mặt dân số đến sử dụng đất chưa cao. Tính đến năm 2023, dân số trung bình toàn huyện khoảng 93.497 người, mật độ dân số trung bình đạt 396 người/km² (bình quân chung toàn tỉnh Sóc Trăng là 366 người/km²). Về thành phần dân tộc, dân số chủ yếu là đồng bào dân tộc Kinh (chiếm 50,92%), Khmer (chiếm 45,45%), Hoa (chiếm 3,75%) và dân tộc khác.

Trong tổng dân số, nam giới 47.877 người, chiếm 51,21% và nữ giới là 45.620 người, chiếm 48,79%; nhân khẩu nông thôn 84.408 người, chiếm 90,28%.

Dân cư của Huyện phân bố không đồng đều giữa các đơn vị hành chính xã, thị trấn như xã: Hồ Đắc Kiện, Thiện Mỹ, Phú Tâm có mật độ dân số thấp hơn so với một số xã, thị trấn khác. Dân cư đa số tập trung với mật độ cao tại các khu vực trung tâm xã, thị trấn nơi có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế, với hệ thống hạ tầng cơ sở khá đồng bộ.

Bảng 1: Dân số huyện Châu Thành đến cuối năm 2023

STT	Tên xã	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Mật độ DS (người/km ²)	STT	Tên xã	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Mật độ DS (người/km ²)
1	TT. Châu Thành	787,87	9.089	1.154	5	X. An Hiệp	3.247,14	16.540	509
2	X. Hồ Đắc Kiện	4.751,30	12.112	255	6	X. An Ninh	3.633,54	13.082	360
3	X. Thuận Hòa	1.838,73	7.263	395	7	X. Phú Tân	2.746,63	13.885	506
4	X. Thiện Mỹ	2.509,86	7.854	313	8	X. Phú Tâm	4.099,54	13.672	334
						Toàn huyện	23.614,61	95.425	404

Nguồn: Chi cục Thống kê khu vực Châu Thành-Mỹ Tú, 2024

2.2.2. Lao động, việc làm

Tổng nguồn lao động toàn huyện ước tính cho năm 2024 là 50.347 người, chiếm 53,89% dân số, trong đó, lao động nông - lâm nghiệp chiếm 25,27%, lao động công nghiệp - TTCN và XD/CB chiếm 10,65% và lao động thương mại - dịch vụ chiếm 17,42%. Như vậy, nguồn nhân lực tập trung chủ yếu khu vực nông- lâm nghiệp, việc chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra chậm.

Chất lượng lao động trên địa bàn huyện ngày càng nâng cao, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm mới được tập trung đẩy mạnh. Trong 9 tháng đầu năm 2024 đã giải quyết việc làm mới cho 2.811 lao động đạt 93,70% kế hoạch. Lao động tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài 17/25 lao động đạt 68% kế hoạch; Đào tạo nghề tại cơ sở tư nhân và tại Trung tâm Giáo dục nghề

ng nghiệp - Giáo dục thường xuyên 942 lao động tham gia học nghề, đạt 235,50% kế hoạch. Trong giai đoạn tới, cần đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nghề và hướng nghiệp góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn tới.

2.2.3. Văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao và thông tin - truyền thông

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Văn hoá và Thông tin tiếp tục tham mưu thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trên địa bàn huyện. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh".

- Tổ chức thành công đêm văn nghệ Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn huyện Châu Thành năm 2024; tham dự Liên hoan tuyên truyền lưu động tỉnh Sóc Trăng lần thứ 31 năm 2024, kết quả đạt giải khuyến khích, giải triển lãm, giải diễn viên xuất sắc, giải tuyên truyền viên xuất sắc.

- Các CLB thể dục, thể thao trên địa bàn huyện được giữ vững và hoạt động thường xuyên. Phong trào tập thể dục buổi sáng như: Đi bộ, dưỡng sinh, bóng rổ, cầu lông, đá cầu, võ thuật, bi sắt, xe đạp... được duy trì thường xuyên. Tổ chức thành công giải vô địch bóng đá nam; tham gia Giải bóng đá tỉnh Sóc Trăng năm 2024 tại thị xã Vĩnh Châu và thành phố Sóc Trăng.

- Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, công thông tin điện tử huyện được duy trì và nâng chất thường xuyên, đã đăng tải trên 772 tin, bài, hình ảnh hoạt động và các văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh, huyện, ... và các văn kiện của kỳ họp HĐND huyện, thu hút trên 495.496 lượt người truy cập. Thực hiện 819 buổi phát thanh tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm và tình hình kinh tế - xã hội địa phương.

- Về du lịch: Từ đầu năm đến nay các điểm du lịch trên địa bàn đã thu hút trên 1.339.533 lượt khách (trong đó: 54 lượt khách quốc tế), có trên 1.670 lượt khách lưu trú, tổng doanh thu ước trên 17 tỷ đồng.

2.2.4. Y tế

Tổng số lượt khám và điều trị bệnh trong năm được 100.622 lượt (*tại TTYT huyện 69.652 lượt; tại Trạm y tế các xã, thị trấn được 30.970 lượt*). Công tác giám sát và phòng chống các loại dịch bệnh ở người trên địa bàn huyện được quan tâm thực hiện tốt, đến nay ghi nhận 138 ca vào viện chẩn đoán sốt xuất huyết (giảm 319 ca so với cùng kỳ); 128 ca vào viện chẩn đoán tay chân miệng (tăng 19 ca so với cùng kỳ). Công tác tiêm chủng mở rộng được quan tâm thực hiện tốt, tiêm chủng miễn dịch đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi thực hiện được 1.180/1.577 trẻ đạt 75% KH. Đến thời điểm hiện tại 100% các Trạm y tế xã, thị

trần đều có Bác sĩ phục vụ, trong đó: Trạm y tế xã Thuận Hoà tăng cường Bác sĩ hỗ trợ theo Đề án 1816.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, đảm bảo ổn định dân số, duy trì mức sinh thấp hợp lý.

2.2.5. Giáo dục và Đào tạo

Ngành giáo dục thực hiện hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chỉ đạo kịp thời trong việc xây dựng văn hóa học đường, ngăn chặn có hiệu quả bạo lực học đường; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cơ bản tạm thời khắc phục được tình trạng thừa, thiếu giáo viên.

Kết quả huy động học sinh ra lớp cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra; huy động mở lớp phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được 28 lớp cho 457 học viên (XMC: 190 học viên; PCGD THCS: 267 học viên).

Trên địa bàn huyện hiện có 36/37 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 97,3% tổng số trường (trong đó: 04 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2).

2.2.6. Sử dụng điện và cấp phép xây dựng

- Số hộ kéo điện mới trong năm 2024 là 365 hộ, nâng số hộ có điện toàn huyện là 30.185 hộ (Số hộ cắt định mức và thanh lý trong năm 2024 là 47 hộ), đạt 122,9% số hộ dân toàn huyện. Trong đó, số hộ Khmer kéo mới là 101 hộ. Nâng số hộ Khmer có điện toàn huyện đến nay là 13.493 hộ (Số hộ cắt định mức và thanh lý lũy kế năm 2024 là 18 hộ), đạt 113,5% số hộ Khmer toàn huyện.

- Cấp phép xây dựng: Trong năm, tiếp nhận 22 hồ sơ, đã cấp được 17 giấy phép xây dựng, còn 05 hồ sơ đang thẩm định.

2.3. Đánh giá chung

Nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện ổn định và phát triển, các hoạt động công nghiệp, thương mại được quan tâm, thu ngân sách từ hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều khởi sắc; đạt được kết quả tương đối khả quan.

2.3.1. Những lợi thế chính cho việc khai thác sử dụng đất

- Sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền kịp thời đã góp phần không nhỏ trong việc bố trí sử dụng đất đai hợp lý.

- An ninh, chính trị và trật tự xã hội luôn ổn định cũng là cơ sở để phát triển kinh tế xã hội bền vững.

2.3.2. Những hạn chế ảnh hưởng đến vấn đề sử dụng đất

- Xuất phát điểm về kinh tế còn nhiều hạn chế, chủ yếu là nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ chiếm tỷ trọng thấp. Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp hiện đang thiên về phát triển quy mô hơn là phát triển chiều sâu đã làm phát sinh

đáng kể nhu cầu sử dụng đất.

- Công nghiệp trên địa bàn huyện tuy có phát triển nhưng đang ở mức công nghiệp gia công, sơ chế nông sản, chưa có công nghiệp chế tạo và công nghiệp chế biến chuyên sâu để gia tăng giá trị sản xuất.

- Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn chiếm tỉ lệ cao, thiếu lực lượng lao động có kỹ thuật và tay nghề cao.

- Thu ngân sách còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu tái đầu tư, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

III. ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

Việc sử dụng đất chịu ảnh hưởng của nhiều nguồn lực khác nhau, có thể được phân thành các yếu tố tự nhiên và nhân tạo. Dưới đây là một số nguồn lực chính của tỉnh Sóc Trăng nói chung và huyện Châu Thành nói riêng tác động đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện:

3.1. Các nguồn lực tự nhiên tác động đến việc sử dụng đất

- Về vị trí địa lý:

Với vị trí chiến lược, Sóc Trăng nằm trên tuyến Quốc lộ 1A nối liền các tỉnh Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Quốc lộ 60 nối Sóc Trăng với các tỉnh Trà Vinh, Bến Tre và Tiền Giang. Huyện Châu Thành cách thành phố Sóc Trăng 13 km về phía Đông Nam và cách thành phố Cần Thơ khoảng 55 km về phía Tây Bắc, có Quốc lộ 1, Quốc lộ 60 và các Đường tỉnh chạy qua địa bàn huyện là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài huyện. Do đó, việc đầu tư cơ sở hạ tầng lưu thông là một trong những chủ trương quan trọng, là điều kiện cho phép đẩy nhanh quá trình khai thác sử dụng đất và mở cửa, hòa nhập với các khu vực khác.

- Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên:

Mang đặc điểm địa hình đồng bằng; khí hậu ôn hòa ít khi xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan; Sóc Trăng nói chung và huyện Châu Thành nói riêng có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Với tỉ lệ diện tích đất nông nghiệp chiếm hơn 80% diện tích tự nhiên, các loại đất có chất lượng từ trung bình, tốt đến rất tốt là một trong những nguồn lực quan trọng trong việc khai thác sử dụng đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực.

Sóc Trăng nằm ở cửa Nam sông Hậu, giáp biển Đông ở phía Đông và Đông Nam, có đường bờ biển dài 72 km. Tài nguyên thiên nhiên chủ yếu là tài nguyên rừng và biển. Sóc Trăng có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế biển tổng hợp, thủy hải sản, nông - lâm nghiệp biển, công nghiệp hướng biển, thương cảng, cảng cá, dịch vụ cảng biển, xuất nhập khẩu, du lịch và vận tải biển.

3.2. Các nguồn lực con người tác động đến việc sử dụng đất

- Dân số:

Việc tăng dân số có tác động lớn đến đất đai cả về mặt tích cực và tiêu cực:

+ Tích cực: tăng dân số cung ứng nguồn lao động dồi dào, tạo động lực thúc đẩy kinh tế, thu hút đầu tư từ đó khai thác hiệu quả tài nguyên đất.

+ Tiêu cực: dân số tăng quá mức gây sức ép lên hạ tầng, dịch vụ công cộng; làm gia tăng việc sử dụng đất cho xây dựng nhà ở, thương mại, công nghiệp Tăng tỉ lệ bê tông hóa đô thị có thể làm mất đi các vùng đất tự nhiên, ảnh hưởng đến sự cân bằng sinh thái nếu không có sự quản lý chặt chẽ và định hướng đúng đắn. Ngoài ra, nhu cầu về đất ở tăng cũng dẫn đến tăng giá đất, đặc biệt là ở các khu vực quy hoạch đô thị hoặc gần các trung tâm kinh tế mới hình thành; điều này dễ tạo ra các cơn sốt giá ảo trên thị trường, dẫn đến hiện tượng ô nhiễm chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp làm thay đổi đột ngột cơ cấu sử dụng đất.

- Quy hoạch và chính sách:

Với mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển về kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, cải cách thủ tục hành chính. Tỉnh luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất, phù hợp pháp luật để các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến hợp tác, đầu tư trên địa bàn. Gặp gỡ, đối thoại và trao đổi những khó khăn của nhà đầu tư, qua đó chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tháo gỡ vướng mắc trong công tác thủ tục về đất đai.

Huyện tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Trong đó một số các giải pháp liên quan đến việc sử dụng đất như sau:

- Phân đấu hoàn thành Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện Luật Đất đai năm 2024 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn theo quy định. Thường xuyên tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, đất đai. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất; hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất đai

- Các chủ đầu tư tiếp tục công tác tuyên truyền, vận động người dân hiến đất, cây trồng; tập trung các giải pháp cụ thể tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vốn Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi chặt chẽ việc triển khai thực hiện. Tổ chức thẩm tra, quyết toán các công trình đầu tư xây dựng đã hoàn thành.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

4.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt với 04 nhóm giải pháp thực hiện, gồm: (1) Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường; (2) Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất; (3) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất; (4) Các giải pháp khác. Kết quả thực hiện như sau:

- Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường:

- + Huyện đã tổ chức nhiều buổi tập huấn cho nông dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả và nhiều mô hình nông nghiệp khác cho người dân nhằm tăng năng suất, sản lượng, bảo vệ môi trường, giảm suy thoái đất và hướng đến phát triển nông nghiệp bền vững.

- + Đã tiến hành kiểm tra, xác minh, xử phạt vi phạm hành chính về các thông tin phản ánh về ô nhiễm môi trường tại một số doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

- + Đối với những công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã đôn đốc các đơn vị chủ đầu tư nhanh chóng triển khai thực hiện. Đối với các công trình, dự án thực hiện dưới hình thức xã hội hóa, thực hiện vận động nhân dân tự nguyện trả lại đất để thực hiện dự án vì mục đích công cộng, nhất là các tuyến đường giao thông nông thôn. Đối với các công trình, dự án của nhà đầu tư là tổ chức kinh tế và người dân, đã đôn đốc hướng dẫn các thủ tục pháp lý về đất đai để đẩy nhanh kết quả thực hiện.

- + Thực hiện mục tiêu tăng nguồn thu từ đất thông qua giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đấu giá quyền sử dụng đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai của huyện: tuy nhiên, năm 2024 gặp nhiều khó khăn, biến động do thị trường dẫn đến nguồn thu không đạt kế hoạch đề ra.

- Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

- + Huyện đã tổ chức công bố kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành theo quy định để người dân nắm bắt và thực hiện theo kế hoạch.

- + UBND huyện đã tổ chức hội nghị trực tuyến tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- + Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các hội nghị phổ biến giáo dục, pháp luật, tuyên truyền tăng cường, nâng cao khả năng nhận thức pháp luật cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- + Tổ chức tuyên truyền nội dung kế hoạch sử dụng đất; xây dựng kế

hoạch quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đạt hiệu quả cao.

- Các giải pháp khác:

+ Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ đất đai khi người dân tự nguyện trả lại đất cho nhà nước để xây dựng các công trình công cộng.

+ Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tăng tỉ lệ hồ sơ giải quyết đúng thời hạn, giảm số lượng hồ sơ tồn đọng so với cùng kỳ.

4.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

4.2.1. Hiện trạng sử dụng đất của từng loại đất

Diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Châu Thành được xây dựng trên cơ sở Số liệu thống kê đất đai năm 2023 có sự điều chỉnh để phù hợp với diện tích thực tế và nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 quy đổi theo phân loại đất tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Hiện trạng sử dụng của từng loại đất năm 2024 trên địa bàn huyện như sau:

Bảng 2: Hiện trạng sử dụng nhóm đất nông nghiệp năm 2024 huyện Châu Thành

STT	Chỉ tiêu	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
				So với DTTN	So với ĐNN
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		23.614,61	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.966,34	88,79	100,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	16.306,88	69,05	77,78
-	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>16.306,88</i>	<i>69,05</i>	<i>77,78</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	837,73	3,55	4,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.715,86	11,50	12,95
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX	931,26	3,94	4,44
-	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	87,14	0,37	0,42
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	87,47	0,37	0,42

Trong đó:

Hiện trạng nhóm đất nông nghiệp là 20.966,34 ha, chiếm 88,79% diện tích tự nhiên (DTTN). Trong đó:

- Đất trồng lúa: hiện trạng có 16.306,88 ha; chiếm 69,05% DTTN và 77,78% diện tích đất nông nghiệp. Toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước.

- Đất trồng cây hằng năm khác: hiện trạng có 837,73 ha; chiếm 3,55% DTTN và 4,00% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất trồng cây lâu năm: hiện trạng có 2.715,86 ha; chiếm 11,50% DTTN và 12,95% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất rừng sản xuất: hiện trạng có 931,26 ha; chiếm 3,94% DTTN và 4,44% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nuôi trồng thủy sản: hiện trạng có 87,14 ha; chiếm 0,37% DTTN và 0,42% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nông nghiệp khác: hiện trạng có 87,47 ha; chiếm 0,37% DTTN và 0,42% diện tích đất nông nghiệp.

Bảng 3: Hiện trạng sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp năm 2024 huyện Châu Thành

STT	Chỉ tiêu	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
				So với DTTN	So với đất PNN
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		23.614,61	100,00	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.648,26	11,21	100,00
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	417,86	1,77	15,78
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	40,79	0,17	1,54
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,04	0,05	0,42
2.4	Đất quốc phòng	CQP	3,08	0,01	0,12
2.5	Đất an ninh	CAN	11,16	0,05	0,42
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	52,28	0,22	1,97
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,24	0,05	0,42
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,36	0,03	0,24
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	24,39	0,10	0,92
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,10	0,02	0,19
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Mã đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
				So với DTTN	So với đất PNN
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		23.614,61	100,00	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	5,19	0,02	0,20
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	326,33	1,38	12,32
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	202,33	0,86	7,64
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	54,07	0,23	2,04
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,27	0,12	1,07
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	34,50	0,15	1,30
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,16	0,03	0,27
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.384,04	5,86	52,26
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	351,85	1,49	13,29
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.022,26	4,33	38,60
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,95	0,02	0,15
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,42	0,01	0,09
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,30	0,00	0,01
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,25	0,01	0,05
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,01	0,01	0,08
2.9	Đất tôn giáo	TON	32,99	0,14	1,25
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	4,92	0,02	0,19
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	81,90	0,35	3,09
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	281,88	1,19	10,64
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	281,88	1,19	10,64
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-

Trong đó:

Hiện trạng nhóm đất phi nông nghiệp là 2.648,26 ha, chiếm 11,21% diện tích tự nhiên (DTTN). Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: hiện trạng có 417,86 ha; chiếm 1,77% DTTN và 15,78% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất ở tại đô thị: hiện trạng có 40,79 ha; chiếm 0,17% DTTN và 1,54% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: hiện trạng có 11,04 ha; chiếm 0,05% DTTN và 0,42% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất quốc phòng: hiện trạng có 3,08 ha; chiếm 0,01% DTTN và 0,12% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất an ninh: hiện trạng có 11,16 ha; chiếm 0,05% DTTN và 0,42% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: hiện trạng có 52,28 ha; chiếm 0,22% DTTN và 1,97% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- x) *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: hiện trạng có 11,24 ha; chiếm 0,05% DTTN và 0,42% diện tích đất phi nông nghiệp.

- x) *Đất xây dựng cơ sở y tế*: hiện trạng có 6,36 ha; chiếm 0,03% DTTN và 0,24% diện tích đất phi nông nghiệp.

- x) *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: hiện trạng có 24,39 ha; chiếm 0,10% DTTN và 0,92% diện tích đất phi nông nghiệp.

- x) *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: hiện trạng có 5,10 ha; chiếm 0,02% DTTN và 0,19% diện tích đất phi nông nghiệp.

- x) *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác được quy đổi từ loại đất xây dựng tổ chức sự nghiệp*: hiện trạng có 5,19 ha; chiếm 0,02% DTTN và 0,20% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: hiện trạng có 326,33 ha; chiếm 1,38% DTTN và 12,32% diện tích đất phi nông nghiệp.

Trong đó:

- x) *Đất khu công nghiệp*: hiện trạng có 202,33 ha; chiếm 0,86% DTTN và 7,64% diện tích đất phi nông nghiệp.

- x) *Đất cụm công nghiệp*: hiện trạng có 54,07 ha; chiếm 0,23% DTTN và 2,04% diện tích đất phi nông nghiệp.

- x) *Đất thương mại, dịch vụ*: hiện trạng có 28,27 ha; chiếm 0,12% DTTN và 1,07% diện tích đất phi nông nghiệp.

- x) *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: hiện trạng có 34,50 ha; chiếm 0,15% DTTN và 1,30% diện tích đất phi nông nghiệp.

-x) *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (được quy đổi trên cơ sở chỉ tiêu tổng của đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản và đất cơ sở VLXD, làm đồ gốm):* hiện trạng có 7,16 ha; chiếm 0,03% DTTN và 0,27% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: hiện trạng có 1.384,04 ha; chiếm 5,86% DTTN và 52,26% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

-x) *Đất công trình giao thông:* hiện trạng có 351,85 ha; chiếm 1,49% DTTN và 13,29% diện tích đất phi nông nghiệp.

-x) *Đất thủy lợi:* hiện trạng có 1.022,26 ha; chiếm 4,33% DTTN và 38,60% diện tích đất phi nông nghiệp.

-x) *Đất công trình xử lý chất thải (được quy đổi từ đất bãi thải, xử lý chất thải):* hiện trạng có 3,95 ha; chiếm 0,02% DTTN và 0,15% diện tích đất phi nông nghiệp.

-x) *Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (được quy đổi từ đất công trình năng lượng):* hiện trạng có 2,42 ha; chiếm 0,01% DTTN và 0,09% diện tích đất phi nông nghiệp.

-x) *Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (được quy đổi từ đất công trình bưu chính viễn thông):* hiện trạng có 0,30 ha; chiếm 0,00% DTTN và 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp.

-x) *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:* hiện trạng có 1,25 ha; chiếm 0,01% DTTN và 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp.

-x) *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (được quy đổi trên cơ sở chỉ tiêu tổng của đất sinh hoạt cộng đồng và đất khu vui chơi, giải trí công cộng):* hiện trạng có 2,01 ha; chiếm 0,01% DTTN và 0,08% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất tôn giáo: hiện trạng có 32,99 ha; chiếm 0,14% DTTN và 1,25% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất tín ngưỡng: hiện trạng có 4,92 ha; chiếm 0,02% DTTN và 0,19% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: hiện trạng có 81,90 ha; chiếm 0,35% DTTN và 3,09% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: hiện trạng có 281,88 ha; chiếm 1,19% DTTN và 10,64% diện tích đất phi nông nghiệp. Toàn bộ diện tích là đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

4.2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

4.2.2.1. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong KHSDD năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Châu Thành được phê duyệt tại Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng có 57 danh mục (trong đó có 24 danh mục có thu hồi đất, Biểu 10) với diện tích thực hiện là 372,64 ha. Trong đó, diện tích chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp 311,24 ha, diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 21,73 ha, diện tích thu hồi đất 285,66 ha. Đến cuối tháng 12/2024, kết quả ước thực hiện như sau:

- Trong năm 2024 thực hiện được 02 danh mục công trình (có thu hồi đất), với diện tích 10,60 ha chiếm tỉ lệ 8,33% về số lượng danh mục công trình có thu hồi đất và chiếm 3,71% về diện tích.

Bảng 4: Danh mục đã thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm trước

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4-5)	(7)	(8)
	Danh mục công trình đã thực hiện năm 2024		26,48	15,88	10,60		
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 938 (đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đến giao ĐT.939); Đường tỉnh 939 (từ cầu Bung Cóc đến thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa), tỉnh Sóc Trăng	DGT	8,68	3,68	5,00	Xã An Ninh	Đã thực hiện trong năm 2024
2	Cải tạo, nâng cấp và thảm bê tông nhựa nóng Đường tỉnh 932 (đoạn từ giao Quốc lộ 1 đến thị trấn Kế Sách), tỉnh Sóc Trăng	DGT	17,80	12,20	5,60	Xã An Hiệp, xã Phú Tân, xã Phú Tâm	Đã thực hiện trong năm 2024

- Trong năm 2024 có 15 danh mục công trình, với diện tích 305,52 ha được hủy bỏ, không tiếp tục thực hiện, chiếm tỉ lệ 26,32% về số lượng và chiếm 81,99% về diện tích. Trong đó, có 06 danh mục chiếm tới 25,01% diện tích hủy bỏ chủ yếu là nhu cầu đăng ký chuyển mục đích nhỏ lẻ của người dân trong năm qua....

Bảng 5: Danh mục đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất

ST T	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Nguyên nhân
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4-5)	(7)	(8)
	Danh mục công trình đưa ra khỏi kế hoạch		305,87	0,47	305,52		
1	Dự án Mở rộng Khu Công nghiệp An nghiệp	SKK	161,00		161,00	X. An Hiệp, xã Phú Tân	Bỏ ra theo công văn số 670/BQL-KHTH ngày 14/10/2024 của BQL các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng.
2	Cụm công nghiệp Thuận Hòa	SKN	50,00		50,00	X. Thuận Hòa	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
3	Bến xe huyện	DGT	2,50		2,50	X. Hồ Đắc Kiện	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
4	Nâng cấp mở rộng đường vào trung tâm trại giống (Đường vào Cụm công nghiệp Thuận Hòa)	DGT	0,85	0,35	0,50	X. Thuận Hòa	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
5	Đường vào khu nhà ở xã hội Xây Đá B (Khu nhà ở công nhân)	DGT	0,26		0,26	X. Hồ Đắc Kiện	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
6	Chợ trung tâm huyện	DCH	4,00		4,00	TT. Châu Thành	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
7	Trạm xử lý nước thải	DRA	0,45		0,45	TT. Châu Thành	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
8	Khu dân cư Thuận Hòa	ONT	3,87	0,03	3,84	X. Thuận Hòa	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
9	Khu nhà ở xã hội Kỳ Hòa	ONT	8,00	0,09	7,91	X. Phú Tân	Chuyển sang giai đoạn sau năm 2025
10	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	ODT	2,50		2,50	TT. Châu Thành	Sử dụng không hết chỉ tiêu
11	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	ONT	10,05		10,05	Các xã trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
12	Chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ	TMD	7,50		7,50	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu

ST T	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích			Vị trí	Nguyên nhân
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
13	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất HNK	HNK	19,46		19,46	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
14	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất CLN	CLN	21,73		21,73	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Sử dụng không hết chỉ tiêu
15	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất NKH	NKH	11,48		11,48	X. Hồ Đắc Kien; X. Phú Tân; X. Phú Tân; X. An Ninh	Sử dụng không hết chỉ tiêu

- Trong năm 2024 còn 40 công trình, dự án với diện tích 56,52 ha chưa được thực hiện sẽ chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như: cụm công nghiệp, đường giao thông,.... Chiếm tỉ lệ 70,18% về số lượng và 15,17% diện tích. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát kết quả thực hiện, có 06 danh mục, dự án thay đổi về quy mô, diện tích, tên gọi nhưng phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất huyện Châu Thành đến năm 2030 đã được phê duyệt, nên tổng diện tích chuyển tiếp sang năm 2025 có thay đổi tăng 0,13 ha. **Như vậy, nhu cầu chuyển tiếp sang năm 2025 là 40 danh mục và 56,52 ha.** Trong đó:

+ Danh mục, dự án quá 02 năm chuyển tiếp (từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trở về trước) là 27 dự án với diện tích tăng thêm là 54,60 ha.

Bảng 6: Danh mục công trình, dự án quá 02 năm chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Lý do đề nghị chuyển tiếp
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
	Tổng cộng	58,15	3,55	54,60			
a	Đất Công an	1,28	0,00	1,28			
1	Công an xã Hồ Đắc Kien	0,18		0,18	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
2	Công an xã An Hiệp	0,09		0,09	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2022. Thay đổi quy mô dự án	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
3	Công an xã Thiện Mỹ	0,10		0,10	X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2022	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Lý do đề nghị chuyển tiếp
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
4	Công an xã Phú Tân	0,33		0,33	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2022. Thay đổi quy mô và vị trí so với QHSDĐ đến 2030 được duyệt theo đề nghị của Công An	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
5	Công an xã Phú Tâm	0,19		0,19	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2022	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
6	Công an xã Thuận Hòa	0,11		0,11	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2022	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
7	Công an Thị trấn Châu Thành	0,11		0,11	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2022	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
8	Công an xã An Ninh	0,17		0,17	X. An Ninh	Chuyển tiếp từ KH2022	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước đo đạc, cắm mốc.
b	Đất cụm công nghiệp	50,00	0,00	50,00			
9	Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới	50,00		50,00	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2019	Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất lúa sang đất khác theo Công văn số 318/TTg-NN ngày 17/5/2024 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển mục đích đất trồng lúa sang mục đích đất khác để thực hiện Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới tại huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Lý do đề nghị chuyển tiếp
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
c	Đất giao thông	1,70	0,00	1,70			
10	Đường vào Cụm công nghiệp Xây Đá B mới	1,70		1,70	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2023	Đây là dự án cấp thiết của huyện, liên quan đến Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới.
d	Đất y tế	0,36	0,10	0,26			
11	Trạm Y Tế xã Thuận Hòa	0,26		0,26	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2021. Thay đổi vị trí, quy mô dự án	Năm 2021 dự án được đăng ký trong KHSDĐ theo Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Bộ Y tế. Diện tích dự án theo Nghị quyết số 72/NQ- HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng là 0,16 ha, tại vị trí thửa 77 tờ bản đồ 04. Ngày 04 tháng 01 năm 2024, UBND xã Thuận Hòa có công văn xin điều chỉnh vị trí tại một phần thửa đất số 46 tờ bản đồ 49, diện tích 2591.9m ²
12	Trạm y tế mới TT Châu Thành	0,10	0,10		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2023. Thay đổi quy mô dự án; Giao đất hiện trạng để cấp sổ	Dự án được thực hiện trên quỹ đất công của huyện và đang ở bước giao đất hiện trạng để cấp sổ
e	Đất cơ sở năng lượng	0,36	0,00	0,36			
13	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ- Châu Thành- Phụng Hiệp- Sóc	0,36		0,36	TT. Châu Thành X. An Hiệp X. Hồ Đắc Kien X. Thuận Hòa X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2020. Thay đổi quy mô theo nhu cầu đăng ký của Ban QLLĐ Miền Nam	Công văn số 4214/PCST-QLDA ngày 19/7/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc đăng ký chuyển tiếp danh mục các công trình đã đăng ký

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Lý do đề nghị chuyển tiếp
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
	Trắng						KHSDD 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, trong đó có dự án Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ- Châu Thành- Phụng Hiệp- Sóc Trăng
f	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,59	0,23	0,36			
14	Mở rộng Trường Mầm non Phú Tân	0,59	0,23	0,36	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH 2022. Thay đổi quy mô dự án	Đây là dự án cấp thiết của huyện.
g	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,08	0,00	0,08			
15	Nhà văn hóa ấp Bung Tróp A (Nhà sinh hòa cộng đồng)	0,08		0,08	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2023.	Nhân Dân tự nguyện trả lại đất, chuyển tiếp sang năm 2025 để thực hiện bước tiếp theo
h	Đất ở tại đô thị	2,30	2,30	0,00			
16	Khu Nhà ở thương mại	2,30	2,30		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020	Kêu gọi thực hiện đầu tư trên quỹ đất sạch
i	Đấu giá quyền sử dụng đất sang đất ở	1,03	0,93	0,10			
17	Bán đấu giá Dãy A khu phố chợ Thuận Hòa	0,42	0,42		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
18	Bán đấu giá Dãy E khu phố chợ Thuận Hòa (03 lô)	0,25	0,25		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Lý do đề nghị chuyển tiếp
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
19	Đấu giá cho thuê đất 02 bên đường vào khu hành chính (đất trồng kê bưu điện)	0,04	0,04		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
20	Bán đấu giá trụ sở công an cũ	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
21	Bán đấu giá chợ cũ Bung Tróp A	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
22	Bán đấu giá ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm (cũ)	0,05		0,05	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2020	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
23	Bán đấu giá trường tiểu học Phú Tâm B	0,02		0,02	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2022	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
24	Bán đấu giá thửa số 39 tờ bđ 40	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
25	Bán đấu giá đất thổ cư thửa số 37, tờ số 25	0,02	0,02		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
26	Bán đấu giá thửa đất số 69 tờ bản đồ số 12	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng	Dự án thực hiện trên quỹ đất công của huyện
k	Đất thương mại, dịch vụ	0,46	0,00	0,46			
27	Dự kiến chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ để kêu gọi đầu tư dự án	0,46		0,46	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2019	Kêu gọi thực hiện đầu tư trên quỹ đất công

+ Danh mục, dự án chưa quá 02 năm chuyển tiếp (kế hoạch sử dụng đất của năm 2024) là 13 dự án với diện tích tăng thêm là 2,05 ha.

Bảng 7: Danh mục công trình, dự án chưa quá 02 năm chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
	Tổng cộng	6,09	4,04	2,05		
a	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,26	0,00	0,26		
1	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Hồ Đắc Kien	0,26		0,26	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2024
b	Đất y tế	0,23	0,23	0,00		
2	Trạm y tế xã Thiện Mỹ	0,11	0,11		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2024; Thay đổi quy mô dự án; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
3	Trạm y tế xã An Ninh	0,12	0,12		X. An Ninh	Chuyển tiếp từ KH2024; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
c	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	2,56	2,48	0,08		
4	Mở rộng trường Tiểu học và THCS Hồ Đắc Kien	0,08		0,08	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2024
5	Trường tiểu học Thiện Mỹ	0,42	0,42		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2024; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
6	Trường Mầm Non Thiện Mỹ	0,55	0,55		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2024; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
7	Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kien	1,00	1,00		X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2024; Thay đổi quy mô dự án; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
8	Trường TH Thuận	0,51	0,51		X. Thuận	Chuyển tiếp từ

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm		
	Hòa (Điểm Sa Bâu)				Hòa	KH2024; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
d	Đất cơ sở tôn giáo	1,33	1,33	0,00		
9	Chùa Proleng	1,03	1,03		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2024; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
10	Chùa Bửu Tâm	0,23	0,23		X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2024; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
11	Chùa Phật Minh	0,07	0,07		X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2024; Giao đất hiện trạng để cấp sổ
e	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,03	0,00	0,03		
12	Nhà văn hóa ấp Phú Ninh (Nhà sinh hoạt cộng đồng)	0,03		0,03	X. An Ninh	Chuyển tiếp từ KH2024; Thu hồi đất bà Kim Thị Hồng tự nguyện trả lại đất để làm trụ sở
g	Đất trụ sở đơn vị sự nghiệp	1,69	0,00	1,69		
13	Khu trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,69		1,69	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2024

4.2.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng, đây là cơ sở để UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các phòng ban chuyên môn triển khai việc giao đất, cho thuê, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch duyệt. Kết quả ước thực hiện cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất đến 31/12/2024 như sau:

Bảng 8: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Năm hiện trạng ⁽¹⁾ (ha)	Diện tích được duyệt ⁽²⁾ (ha)	Kết quả thực hiện (ha)			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích thực hiện đến 31/12/2024	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100%	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		23.614,61	23.614,61	23.614,61	-	-	-	-	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.977,82	20.663,29	20.966,34	-11,47	3,65	-303,06	-52,42	-250,64
1.1	Đất trồng lúa	LUA	16.310,67	15.965,29	16.306,88	-3,79	1,10	-341,59	-51,59	-290,00
-	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>16.310,67</i>	<i>15.965,29</i>	<i>16.306,88</i>	<i>-3,79</i>	<i>1,10</i>	<i>-341,59</i>	<i>-51,59</i>	<i>-290,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	840,54	854,72	837,73	-2,81	-19,84	17,00	-0,09	17,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.720,73	2.721,49	2.715,86	-4,87	-643,97	5,63	-0,74	6,37
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX	931,26	931,26	931,26	-	-	-	-	-
-	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	87,14	87,04	87,14	-	-	-0,11	-	-0,11
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	87,47	103,48	87,47	-	-	16,01	-	16,01
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.636,79	2.951,32	2.648,26	11,47	3,65	303,06	52,42	250,64
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	417,15	437,57	417,86	0,71	3,47	19,71	-0,03	19,74
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	40,62	42,06	40,79	0,16	11,45	1,28		1,28
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,04	10,36	11,04	-	-	-0,68	-0,98	0,30
2.4	Đất quốc phòng	CQP	3,08	3,08	3,08	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	CAN	11,16	12,35	11,16	-	-	1,19	1,17	0,02

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Năm hiện trạng ⁽¹⁾ (ha)	Diện tích được duyệt ⁽²⁾ (ha)	Kết quả thực hiện (ha)			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích thực hiện đến 31/12/2024	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100%	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	52,28	54,44	52,28	-	-	2,16	-0,35	2,52
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,24	15,44	11,24	-	-	4,20		4,20
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH				-	-			
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,36	4,85	6,36	-	-	-1,50	-1,43	-0,08
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	24,39	24,80	24,39	-	-	0,40	0,00	0,40
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	5,10	4,74	5,10	-	-	-0,36	-0,36	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	5,19	4,61	5,19	-	-	-0,58	1,43	-2,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	326,33	582,36	326,33	-	-	256,04	50,69	205,35
-	Đất khu công nghiệp	SKK	202,33	363,33	202,33	-	-	161,00		161,00
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	54,07	154,07	54,07	-	-	100,00	50,00	50,00
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,27	36,23	28,27	-	-	7,96	0,46	7,50
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	34,50	21,58	34,50	-	-	-12,92	0,23	-13,15
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,16	7,16	7,16	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.373,44	1.407,60	1.384,04	10,60	31,03	23,56	2,14	21,42
-	Đất công trình giao thông	DGT	341,25	370,31	351,85	10,60	36,48	18,46	1,70	16,76
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.022,26	1.022,47	1.022,26	-	-	0,21	-	0,21

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Năm hiện trạng ⁽¹⁾ (ha)	Diện tích được duyệt ⁽²⁾ (ha)	Kết quả thực hiện (ha)			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích thực hiện đến 31/12/2024	Trong đó		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100%	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,95	4,40	3,95	-	-	0,45	-	0,45
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,42	2,78	2,42	-	-	0,36	0,36	-
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,30	0,30	0,30	-	-	-	-	-
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,25	5,28	1,25	-	-	4,03	-0,02	4,05
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,01	2,07	2,01	-	-	0,06	0,11	-0,05
2.9	Đất tôn giáo	TON	32,99	32,99	32,99	-	-	-	-	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	4,92	4,92	4,92	-	-	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	81,90	81,69	81,90	-	-	-0,21	-0,21	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	281,88	281,88	281,88	-	-	-	-	-
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	281,88	281,88	281,88	-	-	-	-	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (1) Thống kê đất đai huyện Châu Thành năm 2023

(2) Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng;

Tổng diện tích tự nhiên: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 23.614,61 ha, kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 23.614,61 ha, ổn định theo hiện trạng năm 2024. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Trong đó:

a. Đất nông nghiệp:

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 20.663,29 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 20.966,34 ha, giảm 11,47 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 3,65%. Nguyên nhân chính là do một số công trình, dự án sử dụng đất nông nghiệp chưa được triển khai làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện và do điều chỉnh hiện trạng đất trại giống xã Thuận Hòa (thống kê là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) thành đất nông nghiệp khác theo quyết định giao đất.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 303,06 ha, trong đó: hủy bỏ 250,64 ha và chuyển tiếp 52,42 ha tiếp tục giảm để thực hiện các công trình, dự án. Các chỉ tiêu sử dụng đất chi tiết như sau:

- *Đất trồng lúa (toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước):* Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 15.965,29 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 16.306,88 ha, giảm 3,79 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 1,10%. Nguyên nhân, một số công trình thực hiện liên quan đến chuyển mục đích đất trồng lúa, đặc biệt là đất chuyên 2 vụ lúa nên khó khăn cho việc triển khai.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang các loại đất khác là 341,59 ha, trong đó: hủy bỏ 290,00 ha và chuyển tiếp 51,59 ha để tiếp tục thực hiện.

- *Đất trồng cây hàng năm khác:* Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 854,72 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 837,73 ha, giảm 2,81 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 19,84%. Nguyên nhân, do nhu cầu chuyển mục đích của người dân sang đất trồng cây hàng năm khác không thực hiện như nhu cầu đăng ký. Mặt khác đất trồng cây lâu năm còn chủ chuyển giảm sang các loại đất khác trong năm kế hoạch.

Diện tích chưa thực hiện là 17,00 ha, trong đó: hủy bỏ 17,09 ha và chuyển tiếp 0,09 ha để chuyển mục đích sang các loại đất khác.

- *Đất trồng cây lâu năm:* Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 2.721,49 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 2.715,86 ha, giảm 4,87 ha so với năm hiện trạng. Nguyên nhân, do các công trình thực hiện liên quan đến chuyển mục đích từ đất cây lâu năm được đăng ký nhiều nhưng số lượng thực hiện thấp.

Diện tích chưa thực hiện là 5,63 ha, trong đó: hủy bỏ 6,37 ha và chuyển tiếp 0,74 ha để chuyển mục đích sang các loại đất khác.

- *Đất rừng sản xuất*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 931,26 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2023. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 931,26 ha ổn định theo hiện trạng năm 2023.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 87,04 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 87,14 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do Dự án Khu nhà ở xã hội Kỳ Hòa tại xã Phú Tân lấy vào đất nuôi trồng thủy sản chưa thực hiện và các dự án phát triển hạ tầng lấy vào đất nuôi trồng thủy sản chưa thực hiện.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang các loại đất khác là 0,11 ha, trong đó: hủy bỏ 0,11 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

- *Đất nông nghiệp khác*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 103,48 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 87,47 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do các nhu cầu đăng ký nhỏ lẻ của người dân chưa thực hiện.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 16,01 ha, trong đó: hủy bỏ 16,01 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

b. Đất phi nông nghiệp:

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 2.951,32 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 2.648,26 ha, tăng 11,47 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 3,65%. Nguyên nhân chính là do nhiều công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất 2024 chưa đưa vào thực hiện và do điều chỉnh hiện trạng đất trại giống xã Thuận Hòa (thống kê là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) thành đất nông nghiệp khác theo quyết định giao đất. Trong đó:

- *Đất ở tại nông thôn*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 437,57 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 417,86 ha, tăng 0,71 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 3,47%. Nguyên nhân, do các dự án khu dân cư, chuyển mục đích của người dân chưa thực hiện.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 19,71 ha, trong đó: hủy bỏ 19,74 ha và chuyển tiếp 0,03 ha để chuyển mục đích sang các loại đất khác.

- *Đất ở tại đô thị*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 42,06 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 40,79 ha, tăng 0,16 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 11,45%. Nguyên nhân đất ở đô thị chưa tăng là do các dự án xây dựng Phát triển đô thị thị trấn Châu Thành (Khu nhà ở thương mại) chưa thực hiện hoàn thiện.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 1,28 ha, trong đó: hủy bỏ 1,28 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 10,36 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 11,04 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do một số trụ sở công an lấy vào đất trụ sở chưa bố trí được vốn nên chưa triển khai thực hiện.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 0 ha, trong đó: hủy bỏ 0 ha và chuyển tiếp 0 ha để tiếp tục thực hiện.

- *Đất quốc phòng*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 3,08 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2023. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 3,08 ha ổn định theo hiện trạng năm 2023.

- *Đất an ninh*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 12,35 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 11,16 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do trụ sở công an các xã, thị trấn chưa thực hiện và nhu cầu kêu gọi đầu tư làm thương mại dịch vụ tại TT Châu Thành có sử dụng vào đất an ninh chưa triển khai.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 1,19 ha, trong đó: hủy bỏ 0,02 ha và chuyển tiếp 1,17 ha để tiếp tục thực hiện.

- *Đất xây dựng công trình sự nghiệp*: diện tích phê duyệt không có chỉ tiêu này. Do đó, chỉ tiêu đưa vào đánh giá được tính tổng từ các chỉ tiêu thành phần, như sau: chỉ tiêu kế hoạch 54,44 ha, kết quả thực hiện 52,28 ha, ổn định so với năm hiện trạng.

Trong đó:

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 15,44 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 11,24 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân là do kết quả thông kê đất đai năm 2023 thông kê hiện trạng đất xây dựng cơ sở văn hóa thấp hơn chỉ tiêu được duyệt.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 4,20 ha, trong đó: hủy bỏ 4,20 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,85 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 6,36 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân là do hoạch sử dụng đất năm 2024 dự kiến thực hiện Khu trung tâm dịch vụ nông nghiệp lấy vào đất xây dựng cơ sở y tế, kết quả không thực hiện.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang các loại đất khác là 1,50 ha, trong đó: hủy bỏ 0,08 ha và chuyển tiếp 1,43 ha để tiếp tục thực hiện.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 24,80 ha. Kết quả ước thực hiện đến

ngày 31/12/2024 là 24,39 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do một số dự án thuộc đất giáo dục như mở rộng các trường mầm non, trường tiểu học, trung học phổ thông thực hiện chưa hoàn thành.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 0,40 ha, trong đó: hủy bỏ 0,40 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,74 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 5,10 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do dự án TT dịch vụ nông nghiệp sử dụng vào đất thể dục, thể thao tại xã Hồ Đắc Kien chưa được thực hiện.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang các loại đất khác là 0,36 ha, trong đó: hủy bỏ 0,00 ha và chuyển tiếp 0,36 ha để tiếp tục thực hiện.

+ *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,61 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 5,19 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân là do mở rộng một số đường giao thông và Cụm công nghiệp Thuận hòa lấy vào đất trụ sở tổ chức sự nghiệp chưa thực hiện và do thống kê lại diện tích trại giống xã Thuận Hòa.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang các loại đất khác là 0,58 ha; diện tích chuyển tiếp là 1,43 ha để tiếp thực hiện các công trình, dự án; diện tích hủy bỏ là 2,00 ha.

- *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: diện tích phê duyệt không có chỉ tiêu này. Do đó, chỉ tiêu đưa vào đánh giá được tính tổng từ các chỉ tiêu thành phần, như sau: chỉ tiêu kế hoạch 582,36 ha, kết quả thực hiện 326,33 ha, ổn định so với năm hiện trạng.

Trong đó:

+ *Đất khu công nghiệp*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 363,33 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 202,33 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do Dự án Mở rộng Khu Công nghiệp An Nghiệp chưa thực hiện.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 161,00 ha, trong đó: hủy bỏ 161,00 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

+ *Đất cụm công nghiệp*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 154,07 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 54,07 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do chưa thực hiện thu hồi xong dự án cụm công nghiệp Xây Đá B mới tại xã Hồ Đắc Kien và Cụm công nghiệp Thuận Hòa tại xã Thuận Hòa.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 100,00 ha, trong đó: hủy bỏ 50,00 ha và chuyển tiếp 50,00 ha để tiếp tục thực hiện.

+ *Đất thương mại, dịch vụ*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 36,23 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 28,27 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân là do chưa thực hiện danh mục kêu gọi đầu tư làm thương mại dịch vụ tại TT Châu Thành và nhu cầu chuyển mục đích nhỏ lẻ của người dân.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 7,96 ha, trong đó: hủy bỏ 7,50 ha và chuyển tiếp 0,46 ha để tiếp tục thực hiện.

+ *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 21,58 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 34,50 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do chưa triển khai thực hiện Dự án Xây dựng Nhà máy cấp nước Hồ Đắc Kien và nhu cầu chuyển mục đích nhỏ lẻ của người dân tại các xã, thị trấn.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang các loại đất khác là 12,92 ha; diện tích chuyển tiếp là 0,23 ha để tiếp thực hiện các công trình, dự án; diện tích hủy bỏ là 13,15 ha.

+ *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 7,16 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 7,16 ha, bằng với kế hoạch được duyệt và ổn định theo hiện trạng năm 2023.

- *Đất sử dụng vào mục đích công cộng*: diện tích phê duyệt không có chỉ tiêu này. Do đó, chỉ tiêu đưa vào đánh giá được tính tổng từ các chỉ tiêu thành phần, như sau: chỉ tiêu kế hoạch 1.407,60 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 1.384,04 ha, tăng 10,60 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 31,03%.

Trong đó:

+ *Đất công trình giao thông*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 370,31 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 351,85 ha, tăng 10,60 ha so với năm hiện trạng, tỉ lệ 36,48%. Nguyên nhân là do một số tuyến đường giao thông chưa triển khai thực hiện do thiếu nguồn vốn và nhận thức của người dân về phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm đường còn nhiều hạn chế.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 18,46 ha, trong đó: hủy bỏ 16,76 ha và chuyển tiếp 1,70 ha để tiếp tục thực hiện.

+ *Đất công trình thủy lợi*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 1.022,47 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 1.022,26 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân là do kết quả thống kê đất đai năm 2023 thống kê hiện trạng đất thủy lợi thấp hơn chỉ tiêu được duyệt.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 0,21 ha, trong đó: hủy bỏ 0,21 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

+ *Đất công trình xử lý chất thải*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,40 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 3,95 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân, dự án Trạm xử lý nước thải chưa được triển khai thực hiện do chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 0,45 ha, trong đó: hủy bỏ 0,45 ha và chuyển tiếp 0,00 ha.

+ *Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 2,78 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 2,42 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do dự án Cải tạo, nâng tiết điện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ- Châu Thành- Phụng Hiệp- Sóc Trăng chưa thực hiện.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 0,36 ha, trong đó: hủy bỏ 0,00 ha và chuyển tiếp 0,36 ha để tiếp tục thực hiện.

+ *Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 0,30 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2023. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 0,30 ha ổn định theo hiện trạng năm 2023.

+ *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 5,28 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 1,25 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân là do dự án chợ trung tâm huyện ở TT Châu Thành chưa được thực hiện.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 4,03 ha, trong đó: hủy bỏ 4,05 ha và chuyển tiếp 0,02 ha để chuyển mục đích sang các loại đất khác.

+ *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 2,07 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 2,01 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do chưa làm thủ tục giao đất cho các trụ sở ấp ở xã An Ninh và xã An Hiệp.

Diện tích chưa thực hiện các công trình, dự án là 0,06 ha, trong đó: chuyển tiếp 0,11 ha (do điều chỉnh diện tích trụ sở ấp Bung Tróp A, xã An Hiệp) để tiếp tục thực hiện.

- *Đất tôn giáo*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 32,99 ha, giữ nguyên hiện trạng năm 2023. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 32,99 ha ổn định theo hiện trạng năm 2023.

- *Đất tín ngưỡng*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 4,92 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 4,92 ha ổn định theo hiện trạng năm 2023.

- *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 81,69 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 81,90 ha, không biến động so với năm hiện trạng, tỉ lệ 0,00%. Nguyên nhân do công trình Công an xã Phú Tâm và dự án mở rộng trường THCS Dân tộc nội trú chưa được thực hiện.

Diện tích chưa giảm để chuyển mục đích sang các loại đất khác là 0,21 ha, trong đó: hủy bỏ 0,00 ha và chuyển tiếp 0,21 ha để tiếp tục thực hiện.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng (toàn bộ diện tích là đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối)*: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 281,89 ha. Kết quả ước thực hiện đến ngày 31/12/2024 là 281,89 ha, bằng với kế hoạch được duyệt và ổn định theo hiện trạng năm 2023.

c. Đất chưa sử dụng:

Hiện trạng năm 2023 là 0,00 ha, trong năm kế hoạch không thực hiện chỉ tiêu này.

4.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích, thực hiện thu hồi trên địa bàn huyện

4.3.1. Đánh giá kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp 311,24 ha, chuyển mục đích nội bộ đất nông nghiệp 21,73 ha, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,10 ha. Kết quả thực hiện đến cuối năm 2024 cụ thể như sau:

+ Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp đạt 11,47/311,24 ha, chiếm 3,68% diện tích được duyệt. Trong đó, đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước) thực hiện được 3,79 ha; Đất trồng cây hàng năm khác thực hiện được 2,81 ha; Đất trồng cây lâu năm thực hiện được 4,87 ha.

+ Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp đạt 0,00/21,73 ha, chiếm 0%.

+ Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,00/0,10 ha, chiếm 0%.

Bảng 9: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 của huyện Châu Thành

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã ký hiệu	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)=(4)/(3)*100%
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	311,24	11,47	-299,77	3,68
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất lúa nước	LUA/PNN	275,34	3,79	-271,55	1,38
	- Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	275,34	3,79	-271,55	1,38
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	3,96	2,81	-1,15	70,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	18,61	4,87	-13,74	26,17
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX/PNN	-	-	-	-
	- Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN		-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,17	-	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	13,15	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP	21,73	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	21,73	-	-	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	-	-	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	-	-	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-	-	-	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR (a)	-	-	-	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR (a)	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã ký hiệu	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR (a)	-	-	-	-
	- Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/NKR (a)		-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,10	-	-	-

4.3.1. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong năm 2024

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 UBND tỉnh cho phép thực hiện thu hồi 279,53 ha đất nông nghiệp và 6,13 ha đất phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện đến cuối năm 2024 như sau:

+ Đất nông nghiệp thu hồi được 10,10/279,53 ha, chiếm 3,61% diện tích được duyệt. Trong đó, đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước) thu hồi được 3,20 ha; Đất trồng cây hàng năm khác thu hồi được 2,65 ha; Đất trồng cây lâu năm thực hiện được 4,25 ha.

+ Đất phi nông nghiệp thu hồi được 0,50/6,13 ha, chiếm 8,16% diện tích được duyệt.

Bảng 10: Kết quả thu hồi đất năm 2024 của huyện Châu Thành

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$\frac{(6)}{(5)/(4)*100}$
	Tổng cộng		285,66	10,60	3,71
1	Đất nông nghiệp	NNP	279,53	10,10	3,61
1.1	Đất trồng lúa	LUA	253,56	3,20	1,26
	- Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	253,56	3,20	1,26
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3,96	2,65	66,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,70	4,25	48,87
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,17		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	13,15		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,13	0,50	8,16
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,02		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,17		
	- Đất giao thông	DGT	0,00		
	- Đất thủy lợi	DTL	0,17		
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,42		

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện	
				Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$\frac{(6)}{(5)/(4)} \times 100$
	- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,36		
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,21		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,59	0,50	31,37
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,91		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,32		
2.16	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	2,11		

4.4. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

Thông qua Kế hoạch sử dụng đất hằng năm, các nội dung quản lý nhà nước về đất đai được thực hiện một cách nghiêm túc và đúng quy định. Qua đó mang lại nhiều kết quả tích cực về kinh tế, xã hội, môi trường góp phần tạo nguồn lực cho sự phát triển của huyện. Những kết quả kế hoạch sử dụng đất năm trước đạt được có thể kể đến như sau:

4.4.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế

Trong năm, công tác đấu giá quyền sử dụng đất gặp khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng, ảnh hưởng đến nguồn thu tiền sử dụng đất dẫn đến ảnh hưởng đến tổng thu ngân sách nhà nước. Đồng thời nguồn vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn trên tổng vốn đầu tư công của huyện, do đó ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và giải ngân vốn các dự án từ nguồn này.

Các nguồn thu liên quan đến đất đai đóng góp tỷ lệ khá trong tổng thu ngân sách của huyện, tạo nguồn lực kinh tế để phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư công, xây dựng cơ bản và các chính sách an sinh xã hội.

4.4.2. Đánh giá hiệu quả xã hội

Tạo sự công bằng trong xã hội:

Luật Đất đai 2024 quy định việc lấy ý kiến công khai đối với nội dung kế hoạch sử dụng đất hằng năm trên trang điện tử, niêm yết tạo sự công bằng đối với mọi thành phần sử dụng đất trong việc tiếp cận thông tin đất đai.

Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cá nhân, cộng đồng trong quá trình nhà nước phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, giảm thiểu các xung đột giữa việc được và mất.

Cải thiện chất lượng sống của cộng đồng:

Kế hoạch sử dụng đất đăng ký thực hiện các dự án như Cụm công nghiệp Xây Đá B mới, các tuyến đường giao thông, trạm y tế, trường học, trụ sở công an,... Đây là những dự án cấp thiết của huyện; Các dự án khi hoàn thành được dự báo tạo động lực phát triển vùng nói chung và huyện Châu Thành nói riêng,

tăng hiệu quả giao thương mặt kinh tế và giao lưu văn hóa xã hội, nâng cao chất lượng sống của cộng đồng.

Kế hoạch sử dụng đất đăng ký các dự án đầu tư, kêu gọi đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực, uy tín, góp phần hình thành các khu dân cư với hạ tầng đầy đủ, không gian xanh – sạch – hiện đại, đảm bảo mức độ tiếp cận tiện ích công cộng của người dân.

Thúc đẩy sự phát triển bộ mặt chung của huyện thông qua thu hút đầu tư, thương mại và dịch vụ tạo việc làm cho người dân địa phương qua đó nâng cao thu nhập và mức sống cư dân tại địa phương, giảm tỉ suất di cư.

4.4.3. Đánh giá hiệu quả môi trường

Xác định phạm vi cần bảo vệ: kế hoạch sử dụng đất giúp xác định rõ ràng các khu vực cần bảo tồn, hạn chế việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đặc biệt là trong các khu vực có giá trị sinh thái quan trọng.

Tạo ra không gian xanh: hình thành các công viên, khu vực cây xanh và không gian mở, góp phần cải thiện chất lượng không khí, giảm nhiệt độ đô thị và cung cấp nơi nghỉ ngơi, giải trí cho cộng đồng.

4.5. Đánh giá những mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục

4.5.1. Những mặt đạt được

- Thông qua công tác tác lập, quản lý và thực hiện kế hoạch sử dụng đất thì nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của chính quyền và người sử dụng đất được nâng lên; công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất; giảm thiểu được tình trạng thu hồi đất không theo kế hoạch, từ đó làm giảm tình trạng khiếu nại, khiếu kiện trong sử dụng đất, giúp ổn định tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn huyện.

- Huyện đã thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất.

- Thông qua kế hoạch sử dụng đất, UBND huyện tạo điều kiện cho doanh nghiệp đăng ký đầu tư, ngoài ra doanh nghiệp đã có ý thức hơn trong việc đăng ký thực hiện công trình.

- Sự tham gia của người dân trong công tác KHSDĐ đã từng bước phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, hạn chế được những tiêu cực trong công tác quản lý đất đai.

- Kế hoạch sử dụng đất góp phần khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

4.5.2. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật. Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Châu Thành còn có một số hạn chế nhất định như:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu còn đạt thấp so với kế hoạch đề ra, trong đó phần lớn các chỉ tiêu thực hiện đạt thấp hơn 50%, đặc biệt các chỉ tiêu đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các chỉ tiêu trong nhóm đất phát triển hạ tầng...

- Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm chưa nhiều, đặc biệt là các công trình, dự án có diện tích lớn như: Dự án Mở rộng Khu Công nghiệp An nghiệp, Cụm công nghiệp Thuận Hòa, Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới; dự án thương mại, dịch vụ như chợ trung tâm huyện; công trình phát triển hạ tầng như: Nâng cấp mở rộng đường vào trung tâm trại giống, Đường vào khu nhà ở xã hội Xây Đá B, Đường vào Cụm công nghiệp Xây Đá B mới, Trạm Y Tế xã Thuận Hòa, mở rộng Trường Mầm non Phú Tân... trong năm 2024 cũng chưa được triển khai thực hiện.

- Một số công trình phát triển hạ tầng đã thực hiện đã thực hiện xong về mặt đất đai tuy nhiên chưa hoàn thành về các thủ tục giao đất, cấp sổ như: Trạm y tế xã Thiện Mỹ, Trạm y tế xã An Ninh, Trạm y tế mới TT Châu Thành, Trường tiểu học, trường mầm non Thiện Mỹ, Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện, Trường TH Thuận Hòa (Điểm Sa Bâu)... nên cần rà soát tiếp tục chuyển tiếp đăng ký trong năm kế hoạch. Do vậy cũng đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch trong năm.

- Việc đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, đất sản xuất kinh doanh, đất thương mại, dịch vụ còn cao so với kết quả thực hiện chuyển mục sử dụng đất trong năm.

4.5.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

a. Nguyên nhân khách quan:

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất phụ thuộc vào phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện và liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nhưng nguồn vốn đầu tư vào các công trình, dự án lại hạn chế; đặc biệt là đầu tư cho các công trình, dự án có quy mô lớn như khu, cụm công nghiệp, dự án phát triển hạ tầng... Do vậy, một số công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất phải giãn tiến độ đầu tư hoặc chậm triển khai thực hiện so với kế hoạch đã được phê duyệt.

- Một số chính sách trong công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn, quy trình các bước lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết, việc kiểm đếm đo vẽ hiện trạng lập và phê duyệt phương án giá đền bù

thường thực hiện trong thời gian khá lâu có khi lên đến 2, 3 năm kéo theo việc thực hiện các dự án thường chậm hơn so với kế hoạch. Mặc khác Luật đất đai 2024 có hiệu lực thi hành sớm (vào ngày 1/8/2024) trong khi các nghị định, thông tư, các văn bản thi hành luật chưa được ban hành kịp thời nên đã ảnh hưởng đến việc xác lập các thủ tục đất đai liên quan theo luật đất đai mới.

- Việc huy động nguồn lực đầu tư đối với các dự án kêu gọi đầu tư, cũng như nguồn vốn đầu tư đối với các dự án nhà ở, dự án chuyển mục đích có vốn đầu tư ngoài ngân sách phụ thuộc nhiều vào yếu tố thị trường nên hầu hết các dự án kêu gọi đầu tư và dự án chuyển mục đích của các doanh nghiệp đều chưa được triển khai thực hiện. Mặc khác việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân cũng đạt thấp so với nhu cầu đăng ký hàng năm.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác dự báo và đăng ký nhu cầu quỹ đất để phát triển của các ngành, lĩnh vực, còn chưa sát với khả năng thực hiện trong năm kế hoạch. Số lượng các dự án thường được đăng ký nhiều hơn tuy nhiên việc bố trí nguồn vốn cũng như khả năng huy động nguồn vốn đầu tư còn thấp so với kế hoạch đề ra. Cụ thể một số dự án chưa được triển khai thực hiện trong năm kế hoạch như: Dự án Mở rộng Khu Công nghiệp An nghiệp, Cụm công nghiệp Thuận Hòa, Bến xe huyện, Nâng cấp mở rộng đường vào trung tâm trại giống (Đường vào Cụm công nghiệp Thuận Hòa), Chợ trung tâm huyện, Khu Nhà ở thương mại, Khu trung tâm dịch vụ nông nghiệp.

- Kinh phí đầu tư bố trí cho việc thực hiện phương án bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng và kinh phí đầu tư xây dựng công trình còn thiếu và không đủ nguồn vốn để thực hiện dự án trong năm kế hoạch, đặc biệt là các dự án có quy mô diện tích lớn dẫn đến một số dự án chưa triển khai thực hiện hoặc thực hiện kéo dài sang các năm sau. Cụ thể như: Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới, Đường vào khu nhà ở xã hội Xây Đá B (Khu nhà ở công nhân), Trạm xử lý nước thải, Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Hồ Đắc Kiện, các trụ sở công an các xã...

- Một số dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng khi triển khai thì phát sinh điều chỉnh, thay đổi về vị trí, quy mô, diện tích dự án dẫn đến phát sinh hoàn thiện thủ tục pháp lý cũng như kéo dài thời gian thực hiện so với kế hoạch. Cụ thể như: Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới, Trạm Y Tế xã Thuận Hòa, Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ- Châu Thành- Phụng Hiệp- Sóc Trăng, Mở rộng Trường Mầm non Phú Tân, Nhà văn hóa ấp Bung Tróp A (Nhà sinh hòa cộng đồng), Nhà văn hóa ấp Phú Ninh (Nhà sinh hoạt cộng đồng)...

- Công tác lập phương án, hồ sơ, thủ tục đấu giá đất đòi hỏi chu trình kéo dài do vậy hầu hết các khu vực đất giá quyền sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất đều chưa thể triển khai thực hiện trong năm kế hoạch.

- Công tác dự báo và đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình và cá nhân của các xã, thị trấn còn chưa sát với tình hình thực tế trong năm kế hoạch dẫn đến kết quả đánh giá thực hiện đạt tỷ lệ chưa cao.

4.5.4. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Qua quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất huyện Châu Thành đã rút được một số bài học kinh nghiệm cơ bản để tổ chức thực hiện tốt hơn kế hoạch sử dụng đất năm 2025 như sau:

- Một là: Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện phải theo tuân theo Khoản 2 Điều 67 Luật Đất đai năm 2024 đó là: Bảo đảm quốc phòng, an ninh; Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường; Tính khả thi của việc thực hiện. Và để đảm bảo tính khả thi thực hiện thì tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất phải tuân thủ quy định tại Điều 67 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 21 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, cụ thể:

+ Công trình, dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất phải có chủ trương đầu tư.

+ Công trình, dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch đô thị.

- Hai là: Đối với dự án đầu tư công cần phải xác định rõ nguồn vốn thực hiện để đề xuất danh mục công trình dự án trong năm kế hoạch. Cần xác định rõ trách nhiệm các đơn vị đề xuất danh mục trong năm kế hoạch nhằm nâng cao tính chính xác và tính thực tiễn khi triển khai thực hiện công trình, dự án.

- Ba là: Đối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp cần phải cam kết đảm bảo tiến độ và báo cáo tiến độ thực hiện dự án đăng ký trong năm kế hoạch. Cần có sự giám sát chặt chẽ, có các biện pháp nhắc nhở hoặc xử lý theo quy định đối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp có dự án thực hiện chậm tiến độ.

- Bốn là: Coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực sát với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Năm là: Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành, địa phương trong việc tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất của huyện. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự thành công cho việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Sáu là: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm kế hoạch sử dụng đất trong giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt (nếu có).

V. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

5.1. Tiêu chí lựa chọn các công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

Danh mục công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện sử dụng đất:

- (1) Phải bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- (2) Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường;
- (3) Tính khả thi của việc thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Tiêu chí cụ thể như sau:

- Việc lựa chọn công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Việc lựa chọn công trình, dự án ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phải có nguồn vốn, có kế hoạch đầu tư thực hiện đảm bảo theo Luật Đầu tư công.

- Đối với các công trình, dự án kêu gọi đầu tư thì lập danh mục riêng và không thực hiện chu chuyển đất đai trong năm kế hoạch. Khi có nhà đầu tư, sẽ xác định cụ thể từng loại đất và đưa vào chu chuyển đất đai theo quy định.

- Đối với chuyển mục đích sử dụng đất liên quan đến đất trồng lúa, đất rừng thì phải tổng hợp nhu cầu và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Các công trình, dự án phải gắn với vị trí cụ thể.

- Công trình, dự án xác định trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà chưa thực hiện thì phải xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Đối với các công trình, dự án đã có quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công; đã có quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Đã có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ thì được thực hiện mà không phải bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

5.2. Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành được UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt tại Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 trên cơ sở phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố tại Công văn số 2425/UBND-KT ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Sóc Trăng đang đang trình phê duyệt, nên chưa có chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ của cấp tỉnh cho huyện Châu Thành trong năm kế hoạch. Do vậy, trong năm kế hoạch 2025 căn cứ dự thảo Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Sóc Trăng, phân chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố tại Công văn số 2425/UBND-KT ngày 21/10/2022 và Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành để thực hiện.

Theo đó, Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 sẽ cụ thể hóa các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2025 theo Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của cấp huyện đã được phê duyệt, là cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai

5.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất

5.3.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch

Qua rà soát, đánh giá kết quả thực hiện KHSDĐ năm 2024 cho thấy có nhiều công trình, dự án chưa được thực hiện. Tuy nhiên, các công trình, dự án này phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện nên được chuyển tiếp, tiếp tục được thực hiện trong năm 2025. Cụ thể, có 40 công trình (bảng 6 và bảng 7), dự án với diện tích tăng thêm 56,52 ha đã được phê duyệt trong kế hoạch, nhưng chưa triển khai thực hiện và có chủ trương tiếp tục đầu tư nên theo quy định sẽ tiếp tục chuyển tiếp để thực hiện.

Trên cơ sở xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai. Huyện xác định có 19 công trình, dự án thuộc nhóm chỉ tiêu này được thể hiện ở bảng bên dưới (*chi tiết xem tại Mục I, Biểu 25/CH*).

Bảng 11: Danh mục các công trình, dự án chuyển tiếp từ KHSDD năm trước

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(9)
I.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	1,28	0,00	1,28	
1	Công an xã Hồ Đắc Kien	0,18		0,18	X. Hồ Đắc Kien
2	Công an xã An Hiệp	0,09		0,09	X. An Hiệp
3	Công an xã Thiện Mỹ	0,10		0,10	X. Thiện Mỹ
4	Công an xã Phú Tân	0,33		0,33	X. Phú Tân
5	Công an xã Phú Tâm	0,19		0,19	X. Phú Tâm
6	Công an xã Thuận Hòa	0,11		0,11	X. Thuận Hòa
7	Công an Thị trấn Châu Thành	0,11		0,11	TT. Châu Thành
8	Công an xã An Ninh	0,17		0,17	X. An Ninh
I.2					
a	Đất cụm công nghiệp	50,00	0,00	50,00	
9	Dự án Cụm công nghiệp Xây Đá B mới	50,00		50,00	X. Hồ Đắc Kien
b	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,26	0,00	0,26	
10	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Hồ Đắc Kien	0,26		0,26	X. Hồ Đắc Kien
c	Đất công trình giao thông	1,70	0,00	1,70	
11	Đường vào Cụm công nghiệp Xây Đá B mới	1,70		1,70	X. Hồ Đắc Kien
d	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,26	0,00	0,26	
12	Trạm Y Tế xã Thuận Hòa	0,26		0,26	X. Thuận Hòa
e	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	0,36	0,00	0,36	
13	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ- Châu Thành- Phụng Hiệp- Sóc Trăng	0,36		0,36	TT. Châu Thành, X. An Hiệp, X. Hồ Đắc Kien, X. Thuận Hòa, X. Phú Tân
f	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,08	0,00	0,08	
14	Mở rộng trường Tiểu học và THCS Hồ Đắc Kien	0,08		0,08	X. Hồ Đắc Kien
g	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	0,11	0,00	0,11	
15	Nhà văn hóa ấp Bưng Tróp	0,08		0,08	X. An Hiệp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(9)
	A (Nhà sinh hòa cộng đồng)				
16	Nhà văn hóa ấp Phú Ninh (Nhà sinh hoạt cộng đồng)	0,03		0,03	X. An Ninh
I.3	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất				
a	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,59	0,23	0,36	
17	Mở rộng Trường Mầm non Phú Tân	0,59	0,23	0,36	X. Phú Tân
b	Đất thương mại, dịch vụ	0,46	0,00	0,46	
18	Dự kiến chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ để kêu gọi đầu tư dự án	0,46		0,46	TT. Châu Thành
c	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	1,69	0,00	1,69	
19	Khu trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,69		1,69	TT. Châu Thành

5.3.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai

Trên cơ sở kết quả làm việc với UBND các xã, thị trấn và các phòng, ban ngành, đơn đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Trên địa bàn huyện không đăng ký danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai.

5.3.3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 48 Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch

Trên cơ sở kết quả làm việc với UBND các xã, thị trấn và các phòng, ban ngành, đơn đề nghị đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Có 06 danh mục đăng ký mới trong năm kế hoạch được thể hiện ở bảng bên dưới (*chi tiết xem tại Mục III, Biểu 25/CH*).

Bảng 12: Danh mục đăng ký mới trong năm kế hoạch

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(9)
III.1	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất				

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(9)
a	Đất ở tại nông thôn	7,00	0,00	7,00	
1	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	1,00		1,00	X. Phú Tâm
		1,20		1,20	X. Phú Tân
		0,70		0,70	X. Thiện Mỹ
		0,70		0,70	X. Thuận Hòa
		1,00		1,00	X. Hồ Đắc Kien
		1,00		1,00	X. An Hiệp
		1,40		1,40	X. An Ninh
b	Đất thương mại, dịch vụ	6,95	0,00	6,95	
2	Chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ	0,75		0,75	X. Phú Tâm
		0,85		0,85	X. Phú Tân
		1,00		1,00	TT. Châu Thành
		0,95		0,95	X. Thuận Hòa
		0,80		0,80	X. Hồ Đắc Kien
		1,00		1,00	X. An Hiệp
		0,80		0,80	X. An Ninh
		0,80		0,80	X. Thiện Mỹ
c	Đất ở tại đô thị	1,50	0,00	1,50	
3	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	1,50		1,50	TT. Châu Thành
d	Chuyển đổi nội bộ đất nông nghiệp	27,98	0,00	27,98	
4	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất NKH	1,00		1,00	X. Hồ Đắc Kien
		3,18		3,18	X. Phú Tân
		3,30		3,30	X. Phú Tân
		3,00		3,00	X. An Ninh
5	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất HNK	1,00		1,00	X. Phú Tâm
		1,00		1,00	X. Thuận Hòa
		1,00		1,00	TT. Châu Thành
		1,00		1,00	X. Phú Tân
		1,00		1,00	X. Hồ Đắc Kien
		1,00		1,00	X. An Hiệp
		1,00		1,00	X. An Ninh
		1,00		1,00	X. Thiện Mỹ
6	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất CLN	1,00		1,00	X. Phú Tâm
		1,00		1,00	X. Phú Tân
		1,00		1,00	TT. Châu Thành
		1,00		1,00	X. Thuận Hòa
		1,00		1,00	X. Hồ Đắc Kien
		1,00		1,00	X. An Hiệp
		2,50		2,50	X. An Ninh
		1,00		1,00	X. Thiện Mỹ

5.3.4. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Trên cơ sở các công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2024, nhu cầu sử dụng đất năm 2025 của các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2025. Nhu cầu trong KHSDD năm 2025 có 25 công trình, dự án (ngoài ra, trong năm kế hoạch còn đăng ký *Danh mục công trình, dự án thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất, điều chuyển, cấp GCN QSDĐ được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo báo cáo*). Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành như sau:

Bảng 13: Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

STT	Mục đích	Mã đất	Hiện trạng 31/12/2024	Kế hoạch 2025	(+) Tăng, (-) giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		23.614,61	23.614,61	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.966,34	20.898,57	-67,77
1.1	Đất trồng lúa	LUA	16.306,88	16.218,86	-88,02
-	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	<i>16.306,88</i>	<i>16.218,86</i>	<i>-88,02</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	837,73	845,64	7,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.715,86	2.717,72	1,86
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	931,26	931,26	-
-	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	87,14	87,14	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	87,47	97,95	10,48
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.648,26	2.716,03	67,77
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	417,86	424,73	6,87
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	40,79	42,29	1,50
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,04	10,06	-0,98
2.4	Đất quốc phòng	CQP	3,08	3,08	0,00
2.5	Đất an ninh	CAN	11,16	12,33	1,17
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	52,28	51,93	-0,35
2.6.1	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>11,24</i>	<i>11,24</i>	<i>0,00</i>
2.6.2	<i>Đất xây dựng cơ sở xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2.6.3	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,36</i>	<i>4,93</i>	<i>-1,43</i>
2.6.4	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>24,39</i>	<i>24,40</i>	<i>0,00</i>
2.6.5	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>5,10</i>	<i>4,74</i>	<i>-0,36</i>
2.6.10	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>DSK</i>	<i>5,19</i>	<i>6,62</i>	<i>1,43</i>

STT	Mục đích	Mã đất	Hiện trạng 31/12/2024	Kế hoạch 2025	(+) Tăng, (-) giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	326,33	383,97	57,64
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	202,33	202,33	0,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	54,07	104,07	50,00
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,27	35,68	7,41
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	34,50	34,73	0,23
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,16	7,16	0,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.384,04	1.386,18	2,14
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	351,85	353,55	1,70
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1.022,26	1.022,25	0,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,95	3,95	0,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,42	2,78	0,36
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,30	0,30	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,25	1,24	-0,02
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,01	2,12	0,11
2.9	Đất tôn giáo	TON	32,99	32,99	0,00
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	4,92	4,92	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	81,90	81,69	-0,21
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	281,88	281,88	0,00
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	281,88	281,88	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-

* Tổng diện tích tự nhiên

Diện tích hiện trạng năm 2024 là 23.614,61 ha, kế hoạch năm 2025 ổn định theo hiện trạng.

(1). Đất nông nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất nông nghiệp huyện là 20.966,34 ha, chiếm 88,79% DTTN.

Diện tích năm 2025, đất nông nghiệp được bố trí 20.898,57 ha, chiếm 88,50% DTTN, giảm 67,77 ha so với hiện trạng. Trong đó, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 20.876,25 ha.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 14: Chỉ tiêu KHSDD đất nông nghiệp theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	20.966,34	20.898,57	-67,77
1	TT. Châu Thành	639,41	636,86	-2,55
2	X. Hồ Đắc Kien	4.316,64	4.263,04	-53,60
3	X. Thuận Hòa	1.578,12	1.576,31	-1,82
4	X. Thiện Mỹ	2.314,68	2.313,18	-1,50
5	X. An Hiệp	2.685,43	2.683,31	-2,12
6	X. An Ninh	3.295,65	3.293,35	-2,30
7	X. Phú Tân	2.436,13	2.434,00	-2,12
8	X. Phú Tâm	3.700,28	3.698,53	-1,75

Cụ thể các loại đất như sau:

a. Đất trồng lúa

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất trồng lúa huyện là 16.306,88 ha, chiếm 69,05% DTTN. Toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 16.218,86 ha.

- Chu chuyển tăng: 0,00 ha.

- Chu chuyển giảm 88,02 ha, cụ thể chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 8,00 ha, đất trồng cây lâu năm 9,50 ha, đất nông nghiệp khác 10,48 ha, đất an ninh 0,05 ha, đất cụm công nghiệp 50,00 ha, đất thương mại, dịch vụ 3,85 ha, đất công trình giao thông 1,18 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,08 ha, đất công trình năng lượng 0,28 ha, đất ở tại nông thôn 3,60 ha, đất ở tại đô thị 1,00 ha.

- Cân đối giảm 88,02 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất trồng lúa được bố trí 16.218,86 ha, chiếm 68,68% DTTN, giảm 88,02 ha so với hiện trạng năm 2024 (Toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước).

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 15: Chỉ tiêu KHSDD đất trồng lúa theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	16.306,88	16.218,86	-88,02
1	TT. Châu Thành	485,26	481,72	-3,54
2	X. Hồ Đắc Kien	2.612,76	2.557,39	-55,37
3	X. Thuận Hòa	1.347,47	1.344,52	-2,95

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
4	X. Thiện Mỹ	1.901,23	1.898,18	-3,05
5	X. An Hiệp	2.159,55	2.156,62	-2,93
6	X. An Ninh	2.644,28	2.636,53	-7,75
7	X. Phú Tân	2.065,56	2.059,33	-6,23
8	X. Phú Tân	3.090,77	3.084,57	-6,20

b. Đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất trồng cây hàng năm khác huyện là 837,73 ha, chiếm 3,55% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 837,64 ha.

- Chu chuyển giảm 0,09 ha. Trong đó, giảm sang an ninh 0,08 ha, đất công trình năng lượng 0,01 ha.

- Chu chuyển tăng 8,00 ha do nhận từ đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước) để chuyển đổi cơ cấu mùa vụ ở những nơi khó khăn về nước tưới hoặc những khu vực thuận tiện cho việc trồng một vụ lúa một vụ màu hoặc chuyên trồng màu.

- Cân đối tăng 7,91 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất trồng cây hàng năm khác được bố trí 845,64 ha, chiếm 3,58% DTTN, tăng 7,91 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 16: Chỉ tiêu KHSDD đất trồng cây hàng năm khác theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	837,73	845,64	7,91
1	TT. Châu Thành	22,35	23,35	1,00
2	X. Hồ Đắc Kien	139,49	140,49	1,00
3	X. Thuận Hòa	52,71	53,71	1,00
4	X. Thiện Mỹ	65,43	66,43	1,00
5	X. An Hiệp	206,79	207,78	0,99
6	X. An Ninh	210,14	211,06	0,92
7	X. Phú Tân	84,39	85,39	1,00
8	X. Phú Tân	56,42	57,42	1,00

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 17: Danh mục các công trình đất trồng cây hàng năm khác

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất HNK nhỏ lẻ	8,00		0,88	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Đăng ký mới

c. Đất trồng cây lâu năm

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất trồng cây lâu năm huyện là 2.715,86 ha, chiếm 11,50% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.708,22 ha.

- Chu chuyển giảm 7,64 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,24 ha, đất thương mại, dịch vụ 3,00 ha, đất công trình giao thông 0,38 ha, đất công trình năng lượng 0,01 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,11 ha, đất ở tại nông thôn 3,40 ha, đất ở tại đô thị 0,50 ha.

- Chu chuyển tăng 9,50 ha do nhận từ đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước) để thực hiện chuyển mục đích nhưng khu vực khó khăn về nước tưới hoặc đất trồng cây lâu năm kết hợp đất ở cấp các đường giao thông.

- Cân đối tăng 1,86 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất trồng cây lâu năm được bố trí 2.717,72 ha, chiếm 11,51% DTTN, tăng 1,86 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 18: Chỉ tiêu KHSDD đất trồng cây lâu năm theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2.715,86	2.717,72	1,86
1	TT. Châu Thành	118,82	118,81	-0,01
2	X. Hồ Đắc Kien	583,68	583,44	-0,23
3	X. Thuận Hòa	147,07	147,20	0,13
4	X. Thiện Mỹ	340,29	340,84	0,55
5	X. An Hiệp	308,15	307,97	-0,18
6	X. An Ninh	433,12	434,65	1,52
7	X. Phú Tân	246,40	246,32	-0,08
8	X. Phú Tâm	538,33	538,48	0,15

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 19: Danh mục các công trình đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất CLN nhỏ lẻ	9,50		9,50	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	Đăng ký mới

d. Đất rừng sản xuất

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất rừng sản xuất huyện là 931,26 ha, chiếm 3,94% DTTN. Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên huyện là 0,00 ha.

Diện tích năm 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 20: Chỉ tiêu KHSDD đất rừng sản xuất theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	931,26	931,26	-
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	931,26	931,26	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

e. Đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất nuôi trồng thủy sản huyện là 87,14 ha, chiếm 0,37% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

Diện tích năm 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 21: Chỉ tiêu KHSDD đất nuôi trồng thủy sản theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	87,14	87,14	0,00

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
1	TT. Châu Thành	8,56	8,56	0,00
2	X. Hồ Đắc Kien	10,48	10,48	0,00
3	X. Thuận Hòa	11,97	11,97	0,00
4	X. Thiện Mỹ	3,20	3,20	0,00
5	X. An Hiệp	8,03	8,03	0,00
6	X. An Ninh	3,66	3,66	0,00
7	X. Phú Tân	35,47	35,47	0,00
8	X. Phú Tâm	5,77	5,77	0,00

f. Đất nông nghiệp khác

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất nông nghiệp khác huyện là 87,47 ha, chiếm 0,37% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 87,47 ha.
- Chu chuyển giảm 0,00 ha.
- Chu chuyển tăng 10,48 ha do nhận từ đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước).
- Cân đối tăng 10,48 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất nông nghiệp khác được bố trí 97,95 ha, chiếm 0,41% DTTN, tăng 10,48 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 22: Chỉ tiêu KHSDD đất nông nghiệp khác theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	87,47	97,95	10,48
1	TT. Châu Thành	4,43	4,43	0,00
2	X. Hồ Đắc Kien	38,97	39,97	1,00
3	X. Thuận Hòa	18,90	18,90	0,00
4	X. Thiện Mỹ	4,53	4,53	0,00
5	X. An Hiệp	2,91	2,91	0,00
6	X. An Ninh	4,44	7,44	3,00
7	X. Phú Tân	4,32	7,50	3,18
8	X. Phú Tâm	8,98	12,28	3,30

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 23: Danh mục các công trình đất nông nghiệp khác

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chuyển đổi từ đất LUC sang đất NKH nhỏ lẻ	10,48		10,48	X. Hồ Đắc Kien, X. Phú Tân, X. Phú Tâm, X. An Ninh	Đăng ký mới

(2). Đất phi nông nghiệp

Diện tích năm 2024, đất phi nông nghiệp huyện là 2.648,26 ha, chiếm 11,21% DTTN.

Diện tích năm 2025, đất phi nông nghiệp được bố trí 2.716,03 ha, chiếm 11,50% DTTN, tăng 67,77 ha so với hiện trạng. Trong đó, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.648,26 ha.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 24: Chỉ tiêu KHSDD đất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2.648,26	2.716,03	67,77
1	TT. Châu Thành	148,46	151,01	2,55
2	X. Hồ Đắc Kien	434,66	488,26	53,60
3	X. Thuận Hòa	260,60	262,42	1,82
4	X. Thiện Mỹ	195,19	196,69	1,50
5	X. An Hiệp	561,65	563,77	2,12
6	X. An Ninh	337,96	340,26	2,30
7	X. Phú Tân	310,50	312,63	2,12
8	X. Phú Tâm	399,25	401,00	1,75

Cụ thể các loại đất như sau:

a. Đất ở tại nông thôn:

Phát triển các cụm dân cư nông thôn phải gắn kết với hình thành và phát triển các loại hình du lịch sinh thái miệt vườn mang đặc trưng của vùng Đồng bằng sông nước Cửu Long. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí các công trình công cộng cần thiết như: nhà trẻ, trường học, cửa hàng, cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc và đảm bảo an ninh quốc phòng. Theo Khoản 5, Điều 116, Luật Đất đai số 31/2024/QH15: Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để cho

phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các trường hợp: Đất nông nghiệp trong khu dân cư, Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở, Các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở. Năm 2025, trên địa bàn huyện, cho phép chuyển mục đích lên đất ở từ tìm đường vào 70 m cấp theo tuyến Quốc lộ; từ tìm đường vào 50m cấp theo các tuyến đường tỉnh; từ tìm đường vào 40 m cấp theo các tuyến đường huyện, các tuyến giao thông hiện hữu, giao thông mới như đường Na tung-Cây Sộp, đường Ba Hú-Tăng Sến, đường Cầu Chùa, đường Rạch Sa Bâu, đường Bung Tróp B-An Tập, đường giao thông B ấp Mỹ Đức,... và các loại đất khác xen kẽ trong khu dân cư hiện có tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở góp phần chỉnh trang bộ mặt nông thôn. Đồng thời, huyện dự kiến sắp xếp quỹ đất trên cơ sở bán đấu giá một số khu đất trên địa bàn huyện Châu Thành.

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất ở tại nông thôn huyện là 417,86 ha, chiếm 1,77% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 417,62 ha.

- Chu chuyển giảm 0,24 ha. Trong đó, giảm sang đất thương mại, dịch vụ 0,10 ha, đất giao thông 0,13 ha, đất công trình năng lượng 0,01 ha.

- Chu chuyển tăng 7,10 ha do nhận từ đất trồng lúa 3,60 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 3,40 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha, đất chợ 0,02 ha.

- Cân đối tăng 6,87 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất ở tại nông thôn được bố trí 424,73 ha, chiếm 1,80% DTTN, tăng 6,87 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 25: Chỉ tiêu KHSDD đất ở tại nông thôn theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	417,86	424,73	6,87
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	68,32	69,18	0,87
3	X. Thuận Hòa	54,92	55,62	0,70
4	X. Thiện Mỹ	42,94	43,64	0,70
5	X. An Hiệp	86,71	87,75	1,04
6	X. An Ninh	66,53	67,93	1,40
7	X. Phú Tân	49,80	50,90	1,10
8	X. Phú Tâm	48,64	49,71	1,07

Ngoài ra, trong năm 2025 còn thực hiện đấu giá, kêu gọi đầu tư một số dự án trên nền hiện trạng đất công đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định 389/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 26: Danh mục các công trình đất ở tại nông thôn

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Bán đấu giá trụ sở công an cũ	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020
2	Bán đấu giá chợ cũ Bưng Tróp A	0,02		0,02	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2020
3	Bán đấu giá ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm (cũ)	0,05		0,05	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2020
4	Bán đấu giá trường tiểu học Phú Tâm B	0,02	0,02		X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2022
5	Bán đấu giá thửa số 39 tờ bđ 40	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng
6	Bán đấu giá đất thổ cư thửa số 37, tờ số 25	0,02	0,02		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2019. Đấu giá Hiện trạng
7	Bán đấu giá thửa đất số 69 tờ bản đồ số 12	0,10	0,10		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng
8	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	7,00		7,00	Các xã trên địa bàn huyện	Đăng ký mới

b. Đất ở tại đô thị:

Phát triển đô thị trung tâm thị trấn phải gắn kết với hình thành và phát triển các cụm dân cư dọc các tuyến đường chính. Theo Khoản 5, Điều 116, Luật Đất đai số 31/2024/QH15: Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc các trường hợp: Đất nông nghiệp trong khu dân cư, Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở, Các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở. Năm 2025, khu vực cho phép chuyển mục đích lên đất ở từ tim đường vào 70 m cấp theo tuyến Quốc lộ; từ tim đường vào 50 m cấp theo các tuyến đường tỉnh; từ tim đường vào 40 m cấp theo các tuyến đường huyện, các tuyến giao thông hiện hữu, giao thông mới và các loại đất khác xen kẽ trong khu dân cư hiện có tạo

điều kiện thuận lợi để nhân dân chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở góp phần chỉnh trang bộ mặt đô thị.

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất ở tại đô thị huyện là 40,79 ha, chiếm 0,17% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 40,79 ha.
- Chu chuyển giảm 0,00 ha.
- Chu chuyển tăng 1,50 ha do nhận từ đất trồng lúa 1,00 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 0,50 ha.
- Cân đối tăng 1,50 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất ở tại đô thị được bố trí 42,29 ha, chiếm 0,18% DTTN, tăng 1,50 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 27: Chỉ tiêu KHSDD đất ở tại đô thị theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	40,79	42,29	1,50
1	TT. Châu Thành	40,79	42,29	1,50
2	X. Hồ Đắc Kien	0,00	0,00	0,00
3	X. Thuận Hòa	0,00	0,00	0,00
4	X. Thiện Mỹ	0,00	0,00	0,00
5	X. An Hiệp	0,00	0,00	0,00
6	X. An Ninh	0,00	0,00	0,00
7	X. Phú Tân	0,00	0,00	0,00
8	X. Phú Tâm	0,00	0,00	0,00

Ngoài ra, trong năm 2025 còn thực hiện đấu giá, kêu gọi đầu tư một số dự án trên nền hiện trạng đất công đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định 389/QĐ-UBND ngày 18/2/2019 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 28: Danh mục các công trình đất ở tại đô thị

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Khu Nhà ở thương mại	2,30	2,30		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020
2	Bán đấu giá Dãy A khu phố chợ Thuận Hòa	0,42	0,42		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
3	Bán đấu giá Dây E khu phố chợ Thuận Hòa (03 lô)	0,25	0,25		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020
4	Đấu giá cho thuê đất 02 bên đường vào khu hành chính (đất trống kế bưu điện)	0,04	0,04		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2020. Đấu giá Hiện trạng
5	Chuyển mục đích đất ở nhỏ lẻ, các tuyến dân cư	1,50		1,50	TT. Châu Thành	Đăng ký mới

c. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất xây dựng trụ sở cơ quan huyện là 11,04 ha, chiếm 0,05% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,06 ha.
- Chu chuyển giảm 0,98 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,30 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,35 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,26 ha, đất ở tại nông thôn 0,07 ha.
- Chu chuyển tăng là 0,00 ha.
- Cân đối giảm 0,98 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất xây dựng trụ sở cơ quan được bố trí 10,06 ha, chiếm 0,04% DTTN, giảm 0,98 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 29: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng trụ sở cơ quan theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	11,04	10,06	-0,98
1	TT. Châu Thành	7,84	7,38	-0,46
2	X. Hồ Đắc Kien	0,25	0,25	0,00
3	X. Thuận Hòa	0,78	0,53	-0,26
4	X. Thiện Mỹ	0,91	0,80	-0,10
5	X. An Hiệp	0,22	0,11	-0,11
6	X. An Ninh	0,22	0,22	0,00
7	X. Phú Tân	0,68	0,68	0,00
8	X. Phú Tâm	0,14	0,09	-0,05

d. Đất quốc phòng

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất quốc phòng huyện là 3,08 ha, chiếm 0,01% DTTN.

Diện tích năm 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 30: Chỉ tiêu KHSDD đất quốc phòng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	3,08	3,08	-
1	TT. Châu Thành	3,08	3,08	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

e. Đất an ninh

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất an ninh huyện là 11,16 ha, chiếm 0,05% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 11,05 ha.
- Chuyển giảm 0,11 ha sang đất thương mại, dịch vụ để thực hiện kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ.
- Chuyển tăng 1,28 ha do nhận từ đất trồng lúa 0,05 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây hàng năm khác 0,08 ha, đất trồng cây lâu năm 0,24 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,42 ha, nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,19 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,30 ha.
- Cân đối tăng 1,17 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất an ninh được bố trí 12,33 ha, chiếm 0,05% DTTN, tăng 1,17 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 31: Chỉ tiêu KHSDD đất an ninh theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	11,16	12,33	1,17
1	TT. Châu Thành	6,90	6,89	0,00
2	X. Hồ Đắc Kien	0,00	0,18	0,18

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
3	X. Thuận Hòa	0,00	0,11	0,11
4	X. Thiện Mỹ	0,00	0,10	0,10
5	X. An Hiệp	0,00	0,09	0,09
6	X. An Ninh	0,00	0,17	0,17
7	X. Phú Tân	4,26	4,59	0,33
8	X. Phú Tâm	0,00	0,19	0,19

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 32: Danh mục các công trình đất an ninh

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Công an xã Hồ Đắc Kien	0,18		0,18	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2020
2	Công an xã An Hiệp	0,09		0,09	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2022. Thay đổi quy mô
3	Công an xã Thiện Mỹ	0,10		0,10	X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2022
4	Công an xã Phú Tân	0,33		0,33	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2022. Thay đổi quy mô và vị trí so với QHSDĐ đến 2030 được duyệt theo đề nghị của Công An
5	Công an xã Phú Tâm	0,19		0,19	X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH2022
6	Công an xã Thuận Hòa	0,11		0,11	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2022
7	Công an Thị trấn Châu Thành	0,11		0,11	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2022
8	Công an xã An Ninh	0,17		0,17	X. An Ninh	Chuyển tiếp từ KH2022

g. Đất xây dựng công trình sự nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2024 diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp huyện là 52,28 ha, chiếm 0,22% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025 đất xây dựng công trình sự nghiệp được bố trí 51,93 ha, chiếm 0,22% DTTN, giảm 0,35 ha so với hiện trạng 2024. Diện tích giảm do chu chuyển nội bộ đất phi nông nghiệp.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 33: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng công trình sự nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	52,28	51,93	-0,35
1	TT. Châu Thành	10,71	10,71	-
2	X. Hồ Đắc Kien	5,97	5,67	-0,30
3	X. Thuận Hòa	3,75	4,00	0,26
4	X. Thiện Mỹ	3,01	3,01	-
5	X. An Hiệp	5,73	5,73	-
6	X. An Ninh	5,29	5,20	-0,09
7	X. Phú Tân	13,39	13,19	-0,20
8	X. Phú Tâm	4,43	4,41	-0,02

Cụ thể các loại đất như sau:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất xây dựng cơ sở văn hóa huyện là 11,24 ha, chiếm 0,05% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 34: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở văn hóa theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	11,24	11,24	0,00
1	TT. Châu Thành	0,32	0,32	0,00
2	X. Hồ Đắc Kien	0,72	0,72	0,00
3	X. Thuận Hòa	0,00	0,00	0,00
4	X. Thiện Mỹ	0,06	0,06	0,00
5	X. An Hiệp	0,21	0,21	0,00
6	X. An Ninh	0,00	0,00	0,00
7	X. Phú Tân	9,81	9,81	0,00
8	X. Phú Tâm	0,11	0,11	0,00

+ Đất xây dựng cơ sở y tế:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất xây dựng cơ sở y tế huyện là 6,36 ha, chiếm 0,03% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 4,64 ha.

- Chu chuyển giảm 1,69 ha để chuyển sang đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp 1,69 ha.

- Chu chuyển tăng 0,26 ha do nhận từ đất xây dựng trụ sở cơ quan.

- Cân đối giảm 1,43 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất xây dựng cơ sở y tế được bố trí 4,93 ha, chiếm 0,02% DTTN, giảm 1,43 ha so với hiện trạng năm 2024.

Ngoài ra, trong năm 2025 có 6 danh mục đăng ký thực hiện công tác giao đất hiện hữu để cấp sổ.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 35: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở y tế theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	6,36	4,93	-1,43
1	TT. Châu Thành	5,31	3,63	-1,69
2	X. Hồ Đắc Kien	0,23	0,23	-
3	X. Thuận Hòa	0,38	0,63	0,26
4	X. Thiện Mỹ	0,11	0,11	-
5	X. An Hiệp	0,08	0,08	-
6	X. An Ninh	0,12	0,12	-
7	X. Phú Tân	0,06	0,06	-
8	X. Phú Tâm	0,07	0,07	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 36: Danh mục các công trình y tế

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Trạm Y Tế xã Thuận Hòa	0,26		0,26	X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH2021. Thay đổi quy mô dự án
2	Trạm y tế mới TT Châu Thành	0,10	0,10		TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2024. Giao đất hiện trạng để cấp sổ.
3	Trạm y tế xã Thiện Mỹ	0,10	0,10		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH2024. Giao đất hiện trạng để cấp sổ.
4	Trạm y tế xã An Ninh	0,12	0,12		X. An Ninh	Chuyển tiếp từ KH2024. Giao đất hiện trạng để cấp sổ.
5	Trung tâm y tế huyện Châu Thành	2,03	2,03		TT. Châu Thành	Đăng ký mới. Giao đất hiện trạng để cấp sổ.

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
6	Trạm y tế xã An Hiệp	0,19	0,19		X. An Hiệp	Đăng ký mới. Giao đất hiện trạng để cấp sổ.
7	Trạm y tế xã Phú Tân	0,14	0,14		X. Phú Tân	Đăng ký mới. Giao đất hiện trạng để cấp sổ.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo huyện là 24,39 ha, chiếm 0,10% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 23,95 ha.
- Chu chuyển giảm 0,44 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,42 ha, đất ở tại nông thôn 0,02 ha.
- Chu chuyển tăng 0,44 ha do nhận từ đất trồng lúa 0,08 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,36 ha.
- Cân đối tăng 0,00 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo được bố trí 24,40 ha, chiếm 0,10% DTTN, tăng 0,00 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 37: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	24,39	24,40	0,00
1	TT. Châu Thành	4,00	4,00	-
2	X. Hồ Đắc Kien	2,81	2,77	-0,04
3	X. Thuận Hòa	1,36	1,36	-
4	X. Thiện Mỹ	2,68	2,68	-
5	X. An Hiệp	4,38	4,38	-
6	X. An Ninh	3,82	3,73	-0,09
7	X. Phú Tân	2,47	2,62	0,16
8	X. Phú Tâm	2,87	2,85	-0,02

Ngoài ra, trong năm kế hoạch đưa vào giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một số cơ sở giáo dục đủ điều kiện trên nền đất hiện hữu.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 38: Danh mục các công trình cơ sở giáo dục và đào tạo*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Mở rộng Trường Mầm non Phú Tân	0,59	0,23	0,36	X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH 2022. Thay đổi quy mô dự án
2	Mở rộng trường Tiểu học và THCS Hồ Đắc Kien	0,08		0,08	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH 2024
3	Trường tiểu học Thiện Mỹ	0,42	0,42		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH 2024
4	Trường Mầm Non Thiện Mỹ	0,55	0,55		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH 2024
5	Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kien	1,00	1,00		X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH 2024
6	Trường TH Thuận Hòa (Điểm Sa Bâu)	0,51	0,51		X. Thuận Hòa	Chuyển tiếp từ KH 2024

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao huyện là 5,10 ha, chiếm 0,02% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 4,74 ha.
- Chu chuyển giảm 0,36 ha sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo.
- Chu chuyển tăng 0,00 ha.
- Cân đối giảm 0,36 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao được bố trí 4,74 ha, chiếm 0,02% DTTN, giảm 0,36 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 39: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	5,10	4,74	-0,36
1	TT. Châu Thành	0,89	0,89	0,00
2	X. Hồ Đắc Kien	1,03	1,03	0,00
3	X. Thuận Hòa	0,00	0,00	0,00
4	X. Thiện Mỹ	0,00	0,00	0,00
5	X. An Hiệp	0,00	0,00	0,00
6	X. An Ninh	1,22	1,22	0,00
7	X. Phú Tân	0,62	0,26	-0,36
8	X. Phú Tâm	1,34	1,34	0,00

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác huyện là 5,19 ha, chiếm 0,02% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 4,93 ha.
- Chu chuyển giảm 0,26 ha. Trong đó, giảm sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,26 ha.
- Chu chuyển tăng 1,69 ha do nhận từ đất xây dựng cơ sở y tế.
- Cân đối tăng 1,43 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác được bố trí 6,62 ha, chiếm 0,03% DTTN, tăng 1,43 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 40: Chỉ tiêu KHSDD đất xây dựng công trình sự nghiệp khác theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	5,19	6,62	1,43
1	TT. Châu Thành	0,19	1,88	1,69
2	X. Hồ Đắc Kien	1,17	0,92	-0,26
3	X. Thuận Hòa	2,00	2,00	0,00
4	X. Thiện Mỹ	0,16	0,16	0,00
5	X. An Hiệp	1,06	1,06	0,00
6	X. An Ninh	0,13	0,13	0,00
7	X. Phú Tân	0,43	0,43	0,00
8	X. Phú Tâm	0,04	0,04	0,00

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 41: Danh mục các công trình xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Khu trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,69		1,69	TT. Châu Thành	Đăng ký mới

h. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Diện tích hiện trạng năm 2024 diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp huyện là 326,33 ha, chiếm 1,38% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025 đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp được bố trí 383,97 ha, chiếm 1,63% DTTN, tăng 57,64 ha so với hiện trạng 2024. Diện tích tăng được nhận từ đất nông nghiệp và nội bộ đất phi nông nghiệp.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 42: Chỉ tiêu KHSDD đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	326,33	383,97	57,64
1	TT. Châu Thành	4,67	6,13	1,46
2	X. Hồ Đắc Kien	66,51	117,56	51,06
3	X. Thuận Hòa	19,06	20,01	0,95
4	X. Thiện Mỹ	0,63	1,43	0,80
5	X. An Hiệp	222,90	223,88	0,98
6	X. An Ninh	7,64	8,44	0,80
7	X. Phú Tân	1,70	2,55	0,85
8	X. Phú Tâm	3,22	3,97	0,75

Cụ thể các loại đất như sau:

+ Đất khu công nghiệp:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất khu công nghiệp huyện là 202,33 ha, chiếm 0,86% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 43: Chỉ tiêu KHSDD đất khu công nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	202,33	202,33	-
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	202,33	202,33	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

+ Đất cụm công nghiệp:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất cụm công nghiệp huyện là 54,07 ha, chiếm 0,23% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 54,07 ha.
- Chu chuyển giảm: 0,00 ha.
- Chu chuyển tăng 50,00 ha do nhận từ đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước).
- Cân đối tăng 50,00 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất cụm công nghiệp được bố trí 104,07 ha, chiếm 0,44% DTTN, tăng 50,00 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 44: Chỉ tiêu KHSDD đất cụm công nghiệp theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	54,07	104,07	50,00
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	54,07	104,07	50,00
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 45: Danh mục các công trình đất cụm công nghiệp

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Cụm công nghiệp Xây Đá B mới	50,00		50,00	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH2019

+ Đất thương mại, dịch vụ:

Đất thương mại dịch vụ là đất được sử dụng nhằm mục đích xây dựng các cơ sở hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ hoặc xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thương mại, dịch vụ. Đây là loại hình hoạt động ít gây ô nhiễm môi trường và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện và của tỉnh.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Châu Thành cũng đã

định hướng bố trí khu vực chuyển mục đích trên bản đồ và phân bổ chỉ tiêu từ cấp tỉnh. Tuy nhiên, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực, phát sinh của người dân, năm 2025, khu vực được phép chuyển mục đích lên đất thương mại dịch vụ từ tim đường vào 70 m cặp theo tuyến Quốc lộ; từ tim đường vào 50 m cặp theo các tuyến đường tỉnh; từ tim đường vào 40 m cặp theo các tuyến đường huyện, các tuyến giao thông hiện hữu, giao thông mới,... và xen kẽ trong khu dân cư để nhân dân thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện Châu Thành.

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất thương mại, dịch vụ huyện là 28,27 ha, chiếm 0,12% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 28,27 ha.

- Chu chuyển giảm 0,00 ha.

- Chu chuyển tăng 7,41 ha do nhận từ đất trồng lúa 3,85 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây lâu năm 3,00 ha, đất an ninh 0,11 ha, đất ở tại nông thôn 0,10 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,35 ha để thực hiện các dự án, cho phép chuyển mục đích nhỏ lẻ kết hợp đất ở ở các tuyến dân cư, khu dân cư để phát triển hoạt động thương mại dịch vụ của địa phương.

- Cân đối tăng 7,41 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất thương mại, dịch vụ được bố trí 35,68 ha, chiếm 0,15% DTTN, tăng 7,41 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 46: Chỉ tiêu KHSDD đất thương mại, dịch vụ theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	28,27	35,68	7,41
1	TT. Châu Thành	1,22	2,68	1,46
2	X. Hồ Đắc Kien	12,06	12,86	0,80
3	X. Thuận Hòa	0,13	1,08	0,95
4	X. Thiện Mỹ	0,32	1,12	0,80
5	X. An Hiệp	9,22	10,22	1,00
6	X. An Ninh	2,97	3,77	0,80
7	X. Phú Tân	1,60	2,45	0,85
8	X. Phú Tâm	0,74	1,49	0,75

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 47: Danh mục các công trình đất thương mại, dịch vụ*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Dự kiến chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ để kêu gọi đầu tư dự án	0,46		0,46	TT. Châu Thành	Chuyển tiếp từ KH2019; thay đổi tên gọi
2	Chuyển mục đích đất thương mại, dịch vụ nhỏ lẻ	6,95		6,95	Các xã, thị trấn	Đăng ký mới

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp huyện là 34,50 ha, chiếm 0,15% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 34,47 ha.
- Chu chuyển giảm 0,02 ha sang đất công trình năng lượng.
- Chu chuyển tăng 0,26 ha do nhận từ đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp để thực hiện các dự án cấp nước cho người dân tại xã Hồ Đắc Kien.
- Cân đối tăng 0,23 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được bố trí 34,73 ha, chiếm 0,15% DTTN, tăng 0,23 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 48: Chỉ tiêu KHSDD đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	34,50	34,73	0,23
1	TT. Châu Thành	3,05	3,05	-
2	X. Hồ Đắc Kien	0,38	0,63	0,26
3	X. Thuận Hòa	15,00	15,00	-
4	X. Thiện Mỹ	0,31	0,31	-
5	X. An Hiệp	11,35	11,33	-0,02
6	X. An Ninh	1,84	1,84	-
7	X. Phú Tân	0,09	0,09	-
8	X. Phú Tâm	2,47	2,47	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 49: Danh mục các công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Hồ Đắc Kien	0,26		0,26	X. Hồ Đắc Kien	Đăng ký mới

Ngoài ra, trong năm 2025 có 10 danh mục đăng ký thuê đất:

Bảng 50: Danh mục đăng ký thuê đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Xí nghiệp đóng chai Thuận Hòa A (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,05	0,05		X. Hồ Đắc Kien	Đăng ký mới
2	Trạm cấp nước tập trung An Ninh (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,02	0,02		TT. Châu Thành	Đăng ký mới
3	Trạm cấp nước tập trung Thiện Mỹ (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,02	0,02		X. An Ninh	Đăng ký mới
4	Trạm cấp nước tập trung Phú Tân (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,02	0,02		X. Thiện Mỹ	Đăng ký mới
5	Hệ cấp nước tập trung tái định cư An Hiệp (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,03	0,03		X. Phú Tân	Đăng ký mới
6	Hệ cấp nước tập trung Tái định cư Thuận Hòa (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,04	0,04		X. An Hiệp	Đăng ký mới
7	Hệ cấp nước tập trung Xây Đá A (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,01	0,01		TT. Châu Thành	Đăng ký mới
8	Trạm cấp nước tập trung An Hiệp (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,02	0,02		X. Hồ Đắc Kien	Đăng ký mới
9	Trạm cấp nước tập trung Thuận Hòa B (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,02	0,02		X. An Hiệp	Đăng ký mới
10	Trạm cấp nước tập trung Phú Tâm (đăng ký lập thủ tục thuê đất)	0,02	0,02		X. Thuận Hòa	Đăng ký mới

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản huyện là 7,16 ha, chiếm 0,03% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 51: Chỉ tiêu KHSDD đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	7,16	7,16	-
1	TT. Châu Thành	0,41	0,41	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	3,93	3,93	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	2,83	2,83	-
7	X. Phú Tân	-	-	-
8	X. Phú Tâm	-	-	-

i. Đất sử dụng vào mục đích công cộng:

Diện tích hiện trạng năm 2024 diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng huyện là 1.384,04 ha, chiếm 5,86% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025 đất sử dụng vào mục đích công cộng được bố trí 1.386,18 ha, chiếm 5,87% DTTN, tăng 2,14 ha so với hiện trạng 2024. Diện tích tăng được nhận từ đất nông nghiệp và nội bộ đất phi nông nghiệp.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 52: Chỉ tiêu KHSDD đất sử dụng vào mục đích công cộng đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	1.384,04	1.386,18	2,14
1	TT. Châu Thành	40,89	40,94	0,05
2	X. Hồ Đắc Kien	264,81	266,62	1,80
3	X. Thuận Hòa	150,84	150,90	0,06
4	X. Thiện Mỹ	118,51	118,51	-
5	X. An Hiệp	215,98	216,14	0,15
6	X. An Ninh	187,89	187,92	0,03
7	X. Phú Tân	159,31	159,36	0,05
8	X. Phú Tâm	245,80	245,80	-

Cụ thể các loại đất như sau:

+ Đất công trình giao thông:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất công trình giao thông huyện là 351,85 ha, chiếm 1,49% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 351,85 ha.

- Chuyển giảm 0,005 ha sang đất công trình năng lượng.

- Chuyển tăng 1,70 ha do nhận từ đất trồng lúa 1,18 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây hàng năm khác 0,05 ha, đất ở tại nông thôn 0,13 ha.

- Cân đối tăng 1,70 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất công trình giao thông được bố trí 353,55 ha, chiếm 1,50% DTTN, tăng 1,70 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 53: Chỉ tiêu KHSDD đất công trình giao thông theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	351,85	353,55	1,70
1	TT. Châu Thành	19,65	19,64	-
2	X. Hồ Đắc Kien	44,74	46,44	1,70
3	X. Thuận Hòa	79,56	79,56	-
4	X. Thiện Mỹ	31,44	31,44	-
5	X. An Hiệp	69,34	69,34	-
6	X. An Ninh	41,22	41,22	-
7	X. Phú Tân	32,13	32,13	-
8	X. Phú Tâm	33,78	33,78	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 54: Danh mục các công trình đất công trình giao thông

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Đường vào Cụm công nghiệp Xây Đá B mới	1,70		1,70	X. Hồ Đắc Kien	Chuyển tiếp từ KH 2023

+ Đất công trình thủy lợi:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất công trình thủy lợi huyện là 1.022,26 ha, chiếm 4,33% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 55: Chỉ tiêu KHSDD đất công trình thủy lợi theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	1.022,26	1.022,26	-
1	TT. Châu Thành	20,88	20,88	-
2	X. Hồ Đắc Kien	218,11	218,11	-
3	X. Thuận Hòa	68,76	68,76	-
4	X. Thiện Mỹ	86,72	86,72	-
5	X. An Hiệp	145,65	145,65	-
6	X. An Ninh	144,81	144,81	-

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
7	X. Phú Tân	126,86	126,86	-
8	X. Phú Tâm	210,46	210,46	-

+ Đất công trình xử lý chất thải :

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất công trình xử lý chất thải huyện là 3,95 ha, chiếm 0,02% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 56: Chỉ tiêu KHSDD đất công trình xử lý chất thải theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	3,95	3,95	-
1	TT. Châu Thành	0,07	0,07	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-
3	X. Thuận Hòa	2,30	2,30	-
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	0,33	0,33	-
6	X. An Ninh	0,84	0,84	-
7	X. Phú Tân	0,10	0,10	-
8	X. Phú Tâm	0,32	0,32	-

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng :

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng huyện là 2,42 ha, chiếm 0,01% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2,42 ha.

- Chu chuyển giảm 0,00 ha.

- Chu chuyển tăng 0,36 ha do nhận từ đất trồng lúa 0,28 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây hàng năm khác 0,01 ha, đất trồng cây lâu năm 0,01 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,02 ha, đất công trình giao thông 0,00 ha, đất thủy lợi 0,00 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,02 ha, đất ở tại nông thôn 0,01 ha.

- Cân đối tăng 0,36 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng được bố trí 2,78 ha, chiếm 0,01% DTTN, tăng 0,36 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 57: Chỉ tiêu KHSDD đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2,42	2,78	0,36
1	TT. Châu Thành	0,17	0,22	0,06
2	X. Hồ Đắc Kien	1,54	1,64	0,11
3	X. Thuận Hòa	0,17	0,23	0,06
4	X. Thiện Mỹ	-	-	-
5	X. An Hiệp	-	0,09	0,09
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	-	0,05	0,05
8	X. Phú Tâm	0,55	0,55	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 58: Danh mục các công trình đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV trạm 220kV Cần Thơ- Châu Thành- Phụng Hiệp- Sóc Trăng	0,36		0,36	TT. Châu Thành, X. An Hiệp, X. Hồ Đắc Kien, X. Thuận Hòa, X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH2020. Thay đổi quy mô theo nhu cầu đăng ký của Ban QLLĐ Miền Nam

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin huyện là 0,30 ha, chiếm 0,00% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 59: Chỉ tiêu KHSDD đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	0,30	0,30	-
1	TT. Châu Thành	0,06	0,06	-
2	X. Hồ Đắc Kien	-	-	-

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	0,10	0,10	-
5	X. An Hiệp	0,03	0,03	-
6	X. An Ninh	0,04	0,04	-
7	X. Phú Tân	0,02	0,02	-
8	X. Phú Tâm	0,05	0,05	-

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối huyện là 1,25 ha, chiếm 0,01% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1,24 ha.
- Chuyển giảm 0,02 ha sang đất ở tại nông thôn để thực hiện Bán đấu giá chợ cũ Bung Tróp A.
- Chuyển tăng 0,00 ha.
- Cân đối giảm 0,02 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối được bố trí 1,24 ha, chiếm 0,02% DTTN, giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 60: Chỉ tiêu KHSDD đất chợ dân sinh, chợ đầu mối theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	1,25	1,24	-0,02
1	TT. Châu Thành	0,07	0,07	0,00
2	X. Hồ Đắc Kien	0,29	0,29	0,00
3	X. Thuận Hòa	0,00	0,00	0,00
4	X. Thiện Mỹ	0,17	0,17	0,00
5	X. An Hiệp	0,46	0,44	-0,02
6	X. An Ninh	0,14	0,14	0,00
7	X. Phú Tân	0,00	0,00	0,00
8	X. Phú Tâm	0,13	0,13	0,00

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:

Hiện trạng năm 2024, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng huyện là 2,01 ha, chiếm 0,01% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2,01 ha.
- Chu chuyển giảm: 0,00 ha.
- Chu chuyển tăng 0,11 ha do nhận từ đất trồng cây lâu năm.
- Cân đối tăng 0,11 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng được bố trí 2,12 ha, chiếm 0,01% DTTN, tăng 0,11 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 61: Chỉ tiêu KHSDD đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	2,01	2,12	0,11
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	0,14	0,14	-
3	X. Thuận Hòa	0,06	0,06	-
4	X. Thiện Mỹ	0,08	0,08	-
5	X. An Hiệp	0,18	0,26	0,08
6	X. An Ninh	0,84	0,86	0,03
7	X. Phú Tân	0,20	0,20	-
8	X. Phú Tâm	0,52	0,52	-

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 62: Danh mục các công trình đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Nhà văn hóa ấp Bưng Tróp A (Nhà sinh hòa cộng đồng)	0,08		0,08	X. An Hiệp	Chuyển tiếp từ KH2023. Thay đổi tên gọi, diện tích.
2	Nhà văn hóa ấp Phú Ninh (Nhà sinh hoạt cộng đồng)	0,03		0,03	X. An Ninh	Đăng ký mới

k. Đất tôn giáo:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất tôn giáo huyện là 32,99 ha, chiếm 0,14% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 63: Chỉ tiêu KHSDD đất tôn giáo theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	32,99	32,99	-
1	TT. Châu Thành	0,06	0,06	-
2	X. Hồ Đắc Kien	1,50	1,50	-
3	X. Thuận Hòa	2,17	2,17	-
4	X. Thiện Mỹ	2,04	2,04	-
5	X. An Hiệp	8,27	8,27	-
6	X. An Ninh	5,00	5,00	-
7	X. Phú Tân	11,10	11,10	-
8	X. Phú Tâm	2,85	2,85	-

Ngoài ra, trong năm 2025 còn đưa 03 danh mục cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện đủ điều kiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được thực hiện trên nền hiện trạng.

Danh mục công trình thực hiện trong năm kế hoạch cụ thể như sau:

Bảng 64: Danh mục các công trình đất cơ sở tôn giáo*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chùa Proleng	1,03	1,03		X. Thiện Mỹ	Chuyển tiếp từ KH 2024
2	Chùa Bửu Tâm	0,23	0,23		X. Phú Tân	Chuyển tiếp từ KH 2024
3	Chùa Phật Minh	0,07	0,07		X. Phú Tâm	Chuyển tiếp từ KH 2024

1. Đất tín ngưỡng

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất tín ngưỡng huyện là 4,92 ha, chiếm 0,02% DTTN.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định theo hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 65: Chỉ tiêu KHSDD đất tín ngưỡng theo đơn vị hành chính*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	4,92	4,92	-
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	0,22	0,22	-

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
3	X. Thuận Hòa	-	-	-
4	X. Thiện Mỹ	0,15	0,15	-
5	X. An Hiệp	1,43	1,43	-
6	X. An Ninh	-	-	-
7	X. Phú Tân	0,47	0,47	-
8	X. Phú Tâm	2,65	2,65	-

m. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt huyện là 81,90 ha, chiếm 0,35% DTTN. Trong năm kế hoạch biến động như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 81,69 ha.
- Chu chuyển giảm 0,21 ha. Trong đó, giảm sang đất an ninh 0,19 ha, đất công trình năng lượng 0,02 ha.
- Chu chuyển tăng 0,00 ha.
- Cân đối giảm 0,21 ha.

Diện tích năm kế hoạch 2025, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt được bố trí 81,69 ha, chiếm 0,35% DTTN, giảm 0,21 ha so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 66: Chỉ tiêu KHSDD đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha				
STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	81,90	81,69	-0,21
1	TT. Châu Thành	-	-	-
2	X. Hồ Đắc Kien	1,33	1,33	-
3	X. Thuận Hòa	0,68	0,68	-
4	X. Thiện Mỹ	1,55	1,55	-
5	X. An Hiệp	20,39	20,37	-0,02
6	X. An Ninh	30,69	30,69	-
7	X. Phú Tân	12,19	12,19	-
8	X. Phú Tâm	15,07	14,89	-0,19

n. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Diện tích hiện trạng năm 2024, đất có mặt nước chuyên dùng huyện là 281,88 ha, chiếm 1,19% DTTN. Toàn bộ diện tích là đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

Diện tích năm kế hoạch 2025, ổn định so với hiện trạng năm 2024.

Phân bố tại các xã, thị trấn như sau:

Bảng 67: Chỉ tiêu KHSDD đất có mặt nước chuyên dùng theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)
	Toàn huyện	281,88	281,88	-
1	TT. Châu Thành	33,53	33,53	-
2	X. Hồ Đắc Kien	25,75	25,75	-
3	X. Thuận Hòa	28,39	28,39	-
4	X. Thiện Mỹ	25,45	25,45	-
5	X. An Hiệp	-	-	-
6	X. An Ninh	34,70	34,70	-
7	X. Phú Tân	57,61	57,61	-
8	X. Phú Tân	76,46	76,46	-

(3). Đất chưa sử dụng

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 không còn đất chưa sử dụng, do vậy trong năm kế hoạch 2025 không còn đất chưa sử dụng.

Hình 2: Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành

5.3.5. Định hướng sử dụng đất

a. Quan điểm sử dụng đất

Trên cơ sở những nét đặc trưng về điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng và sử dụng đất trong những năm gần đây,... để góp phần khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai của huyện, phục vụ đắc lực quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các quan điểm về sử dụng đất sau đây cần phải được nhận thức rõ, thực hiện thống nhất và đầy đủ.

Khai thác triệt để, sử dụng có hiệu quả toàn bộ quỹ đất đai vào các mục đích cụ thể của nền kinh tế quốc dân. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật trên cơ sở quy hoạch bảo đảm lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của người sử dụng đất và cộng đồng. Khai thác sử dụng đất theo hướng giải phóng được năng lực sản xuất của các ngành kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ưu tiên phân bổ đất đai cho các ngành kinh tế công nghiệp, thương mại – dịch vụ và du lịch của huyện thúc đẩy kinh tế phát triển, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân:

- Trong cơ cấu sử dụng đất, cần dành một tỷ lệ thích đáng và hợp lý cho các mục đích hạ tầng, ưu tiên phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch,... vừa để thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng cường về cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, vừa tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực hiệu quả và ổn định. Mở rộng diện tích đô thị một cách “trật tự”, có chuẩn bị đầy đủ về cơ sở hạ tầng, được kiểm soát chặt chẽ theo quy hoạch và tổ chức lãnh thổ hợp lý.

- Trong nông nghiệp, do diện tích sẽ bị giảm để chuyển sang các mục đích khác, phải từng bước áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; áp dụng các đề án phát triển ngành nông nghiệp trong sản xuất đảm bảo giữ nguyên hoặc tăng thêm giá trị của ngành nông nghiệp (*Hiện nay trên địa bàn huyện đang triển khai thực hiện một số đề án phát triển ngành nông nghiệp như: Đề án Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (MERIT-WB11; Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030*). Khai thác, sử dụng đất nông nghiệp phải hợp lý, không được để thừa hoặc lãng phí đất có thể kết hợp phát triển đa mục đích như đất trồng lúa kết hợp du lịch, kho chứa nông sản kết hợp sản xuất kinh doanh chế biến, bảo quản nông sản,...

b. Định hướng sử dụng đất kết hợp đa mục đích

Sử dụng đất kết hợp đa mục đích là việc sử dụng một phần diện tích đất của mục đích sử dụng đất chính vào mục đích khác theo quy định của Luật Đất đai. Trong đó, Đất nông nghiệp được sử dụng kết hợp với mục đích thương mại, dịch vụ, chăn nuôi, trồng cây dược liệu; Đất sử dụng vào mục đích công cộng được kết hợp với mục đích thương mại, dịch vụ; Đất xây dựng công trình sự

nghiệp được sử dụng kết hợp với mục đích thương mại, dịch vụ; Đất ở được sử dụng kết hợp với mục đích nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, công trình sự nghiệp có mục đích kinh doanh; Đất có mặt nước là ao, hồ, đầm được Nhà nước giao theo hạn mức đối với cá nhân để sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp; Đất có mặt nước ven biển được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức kinh tế, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để sử dụng vào các mục đích; Đất có mặt nước chuyên dùng là đất có mặt nước của các đối tượng thủy văn dạng ao, hồ, đầm, phá đã được xác định mục đích sử dụng mà không phải mục đích nuôi trồng thủy sản; Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng được sử dụng kết hợp với mục đích thương mại, dịch vụ. Ngoài ra, Các loại đất Nhóm đất nông nghiệp, Nhóm đất phi nông nghiệp được sử dụng kết hợp mục đích nông nghiệp, xây dựng công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ, thông tin, quảng cáo ngoài trời, điện mặt trời.

Mục đích sử dụng đất chính là mục đích của thửa đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, đang sử dụng đất ổn định đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Sử dụng đất vào mục đích kết hợp không thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Diện tích đất sử dụng vào mục đích kết hợp không quá 50% diện tích đất sử dụng vào mục đích chính, trừ diện tích đất ở sử dụng kết hợp đa mục đích.

Công trình xây dựng trên đất nông nghiệp để sử dụng đất kết hợp đa mục đích phải có quy mô, tính chất phù hợp, dễ dàng tháo dỡ. Diện tích đất xây dựng công trình để sử dụng vào mục đích kết hợp trên đất trồng lúa, đất lâm nghiệp thực hiện theo quy định của Nghị định quy định chi tiết về đất trồng lúa và pháp luật về lâm nghiệp. Đất có mặt nước không được san lấp làm thay đổi dòng chảy, diện tích bề mặt nước, chiều sâu tầng nước. Việc xây dựng, cải tạo công trình để sử dụng vào mục đích kết hợp phải phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Thời gian sử dụng đất vào mục đích kết hợp không vượt quá thời hạn sử dụng đất còn lại của mục đích chính.

Việc sử dụng đất kết hợp đa mục đích phải đáp ứng các yêu cầu: (1) Không làm thay đổi loại đất theo phân loại đất của Nhóm đất nông nghiệp, Nhóm đất phi nông nghiệp và các giấy tờ, quyết định liên quan; (2) Không làm mất đi điều kiện cần thiết để trở lại sử dụng đất vào mục đích chính; (3) Không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; (4) Hạn chế ảnh hưởng đến bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường; (5) Không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề; (6) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định; (7) Tuân thủ pháp luật có liên quan.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đất xây dựng công trình sự nghiệp kết hợp với thương mại, dịch vụ thì phải chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm đối với phần diện tích kết hợp đó.

Các trường hợp sử dụng đất kết hợp với thương mại, dịch vụ thì phải lập phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung phương án sử dụng đất kết hợp bao gồm: Thông tin về thửa đất, khu đất đang sử dụng: vị trí, diện tích, hình thức sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất; Diện tích, mục đích sử dụng đất kết hợp, thời hạn sử dụng đất kết hợp; Nội dung đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Hiện nay, trên địa bàn huyện Châu Thành không còn đất chưa sử dụng, do vậy trong Diện tích năm kế hoạch 2025 không có đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

5.5. Diện tích đất cần thu hồi

Tổng diện tích đất phải thu hồi trong năm 2025 trên địa bàn huyện Châu Thành như sau:

Bảng 68: Diện tích các loại đất cần thu hồi

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)							
				TT. Châu Thành	X. Hồ Đắc Kiện	X. Thuận Hòa	X. Thiện Mỹ	X. An Hiệp	X. An Ninh	X. Phú Tân	X. Phú Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng		54,14	0,16	52,07	0,43	0,10	0,26	0,20	0,74	0,19
1	Đất nông nghiệp	NNP	52,42	0,05	51,80	0,17	-	0,12	0,11	0,17	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	51,59	0,04	51,42	0,05	-	0,04	-	0,05	-
1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	51,59	0,04	51,42	0,05	-	0,04	-	0,05	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,09	-	-	-	-	0,01	0,08	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,74	0,01	0,38	0,12	-	0,08	0,03	0,13	-
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,72	0,11	0,27	0,26	0,10	0,14	0,09	0,56	0,19
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,14	0,00	0,13	0,00	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,56	0,11	-	0,26	0,10	0,09	-	-	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất an ninh	CAN	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,78	-	0,13	-	-	-	0,09	0,56	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)							
				TT. Châu Thành	X. Hồ Đắc Kien	X. Thuận Hòa	X. Thiện Mỹ	X. An Hiệp	X. An Ninh	X. Phú Tân	X. Phú Tân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,42	-	0,13	-	-	-	0,09	0,20	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,36	-	-	-	-	-	-	0,36	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,02	-	-	-	-	0,02	-	-	-
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,02	-	-	-	-	0,02	-	-	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	0,01	0,00	0,00	0,00	-	0,00	-	0,00	-
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,00	0,00	0,00	0,00	-	-	-	-	-
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	0,00	-	0,00	0,00	-	0,00	-	0,00	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Đất tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0,21	-	-	-	-	0,02	-	-	0,19
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Năm 2025, diện tích đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 54,14 ha. Cụ thể:

- Đất nông nghiệp: 52,42 ha, trong đó:
 - + Đất trồng lúa 51,59 ha, toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 0,09 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 0,74 ha;
- Đất phi nông nghiệp: 1,72 ha, trong đó:
 - + Đất ở tại nông thôn: 0,14 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,56 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,42 ha;
 - + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 0,36 ha;
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,02 ha;
 - + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,21 ha;
- Đất chưa sử dụng không còn, do vậy không có kế hoạch thu hồi đất chưa sử dụng.

5.6. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai trong năm 2025 như sau:

Bảng 69: Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	67,77
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	60,04
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	7,64
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	-
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP	9,50
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông	LUA/NNP	9,50

	nghiệp		
2.2	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NNP	-
2.3	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NNP	-
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NNP	-
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT	-
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	-	0,10
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC	-
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OCT	0,10
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK	-
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD	-

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích phải xin phép trong năm 2025 theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai 2024 như sau:

- ***Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp*** trong năm kế hoạch 2025 là 67,77 ha, trong đó:

- + Đất trồng lúa: 60,04 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 0,09 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 7,64 ha;

- ***Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp*** trong năm kế hoạch 2025 là 9,50 ha, trong đó:

+ Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp là: 9,50 ha

- ***Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn*** trong năm kế hoạch 2025 là 0,00 ha.

- ***Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp*** trong năm kế hoạch 2025 là 0,10 ha.

(Số liệu chuyển mục đích chi tiết tới từng xã, thị trấn được trình bày trong biểu 20/CH trong phần phụ lục)

5.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm 2025

Xem Biểu 25/CH phần phụ lục

5.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2025

5.8.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

- Nghị định số 71/2044/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuế đất;

- Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020-2025.

- Số liệu các nguồn thu, chi về đất trên địa bàn huyện một số năm gần đây.

5.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Đối với các khoản thu:

- Thu tiền sử dụng đất từ việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị: tính bình quân 1.200.000 đồng/m².

- Thu tiền sử dụng đất từ việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn: tính bình quân 563.000 đồng/m².

- Thu tiền khi đấu giá cho thuê đất thương mại, dịch vụ; chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất thương mại – dịch vụ: tính 80% giá đất ở cùng vị trí, cùng khu vực.

+ Khu vực thị trấn: 960.000 đồng/m²;

+ Các khu vực còn lại trên địa bàn các xã: 450.400 đồng/m².

- Thu tiền khi đầu giá cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất phi nông nghiệp, thu tiền chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: tính 60% giá đất ở cùng vị trí, cùng khu vực.

+ Khu vực thị trấn: 720.000 đồng/m²;

+ Các khu vực còn lại trên địa bàn các xã: 337.800 đồng/m².

Đối với các khoản chi:

- Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trồng cây hàng năm 150.000 đồng/m²;

- Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trồng cây lâu năm 162.500 đồng/m²;

- Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản 162.500 đồng/m².

- Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất ở đô thị 1.800.000 đồng/m².

- Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất ở nông thôn 844.500 đồng/m².

- Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất kinh doanh:

+ Khu vực thị trấn: 960.000 đồng/m²;

+ Các khu vực còn lại trên địa bàn các xã: 450.400 đồng/m².

Bảng 70: Cân đối thu – chi liên quan đến đất đai

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá bình quân (đồng/m ²)	Hỗ trợ đất nông nghiệp (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)	Ghi Chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3*10000*(4+5))	
I	Tổng thu	67,30			109,98	
1	Thu tiền khi giao đất ở tại đô thị	1,50	1.200.000		18,00	do chuyển mục đích sử dụng đất
2	Thu tiền khi giao đất ở tại nông thôn	7,10	563.000		40,00	do chuyển mục đích sử dụng đất
3	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	50,00			0,00	Theo phương án tài chính của Chủ đầu tư
4	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất thương mại, dịch vụ (do chuyển mục đích sử dụng đất)				0,00	80% đất ở
	<i>Thị trấn</i>	1,46	960.000		14,02	
	<i>Khu vực còn lại</i>	5,95	450.400		26,80	
5	Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất cơ sở sản xuất phi				0,00	60% đất ở

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá bình quân (đồng/m ²)	Hỗ trợ đất nông nghiệp (đồng/m ²)	Thành tiền (tỷ đồng)	Ghi Chú
	nông nghiệp (do chuyển mục đích sử dụng đất)					
	<i>Thị trấn</i>	0,00	720.000		0,00	
	<i>Khu vực còn lại</i>	0,26	337.800		0,86	
6	Thu tiền giao đất, cho thuê đất chợ				0,00	60% đất ở
	<i>Thị trấn</i>	0,00	960.000		0,00	
	<i>Khu vực còn lại</i>	0,00	450.400		0,00	
7	Thu tiền đấu giá sử dụng đất				0,00	Theo giá bình quân đất ở
	<i>Thị trấn</i>	0,71	1.200.000		8,48	
	<i>Khu vực còn lại</i>	0,32	563.000		1,83	
II	Tổng chi	46,01			71,71	
1	Chi bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất nông nghiệp	45,75			69,58	
-	Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trồng lúa, trồng cây hàng năm	38,11	60.000	90.000	57,17	
-	Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	7,64	65.000	97.500	12,41	
-	Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	0,00	65.000	97.500	0,00	
2	Chi bồi thường đất phi nông nghiệp	0,26			2,13	
-	Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất ở đô thị	0,00	1.800.000		0,00	
-	Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất ở nông thôn	0,24	844.500		2,02	
-	Chi bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất sản xuất kinh doanh				0,00	0,6 đất ở
	<i>Thị trấn</i>	0,00	960.000		0,00	
	<i>Khu vực còn lại</i>	0,02	450.400		0,11	
	Cân đối thu chi (I-II)				38,27	

Theo bảng cân đối thu chi trên, nếu thực hiện hết tất cả hạng mục trong năm kế hoạch sử dụng đất thì dự kiến thu được 38,27 tỷ đồng.

Trên đây là dự kiến thu, chi dựa trên khung bảng giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án, kết quả đấu giá và giá đất trên thị trường tại thời điểm triển khai dự án cũng như từng dự án cụ thể.

VI. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

6.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Khuyến cáo nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản trên địa bàn do sử dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật nhằm tích cực làm giàu đất và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Tổ chức, cá nhân xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước phải xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt. Tuân thủ theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất lúa; Tổ chức triển khai thực hiện tốt Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, về quy định bóc tách và sử dụng tầng đất mặt khi xây dựng công trình trên đất được chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn có ứng dụng công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

6.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Cải thiện môi trường đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện, tạo môi trường thông thoáng thu hút đầu tư và huy động các nguồn lực vào thực hiện các dự án, kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức: đầu tư trực tiếp, gián tiếp, đầu tư theo phương thức hợp tác, liên doanh.

Rà soát tổng các nguồn vốn đầu tư công cũng như nguồn vốn xã hội hóa để đẩy mạnh triển khai thực hiện các công trình, dự án đã được phê duyệt trong năm kế hoạch.

Đối với nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch, chủ đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách cần căn cứ vào nguồn vốn đầu tư để đăng ký thực hiện, tránh tình trạng dự án chưa có vốn thực hiện cũng được đăng ký vào năm kế hoạch. Trường hợp phát sinh dự án trong năm, UBND huyện sẽ trình sở tài nguyên môi trường và UBND tỉnh để cho phép thực hiện và bổ sung vào kế hoạch năm sau.

Tiếp tục tăng cường tính công khai minh bạch về cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng nhằm kêu gọi, khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các dự án có sử dụng đất với quy mô lớn trên địa bàn, đặc biệt đối với những dự án không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nhiều lao động, phát triển nông thôn.

Đẩy mạnh thực hiện giải pháp vận động nhân dân và nhà nước cùng thực hiện, để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng như giáo

dục, y tế, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra.

Tích cực, chủ động trong tìm kiếm nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh đầu tư vào địa bàn huyện, trong điểm vào nhóm ngành công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sạch thân thiện môi trường, thương mại dịch vụ, du lịch...

6.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

6.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định, cụ thể:

- + Đến các phòng ban, UBND các xã, thị trấn;
- + Tại UBND huyện trong suốt thời gian kế hoạch sử dụng đất có hiệu lực;
- + Đăng tải các thông tin chủ yếu của kế hoạch sử dụng đất trên các Website của UBND huyện và một số cơ quan khác có liên quan.

- Phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức triển khai thực hiện thực hiện các công trình, dự án liên quan đảm bảo tiến độ, trình tự, thủ tục theo đúng quy định.

- Tổ chức tuyên truyền nội dung kế hoạch sử dụng đất; xây dựng kế hoạch quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đạt hiệu quả cao.

- Đối với dự án chuyển tiếp thuộc dự án cấp huyện, cấp xã thì UBND huyện sẽ chỉ đạo phòng ban, UBND các xã rà soát dự án nào cần nguồn vốn thực hiện, dự án nào chỉ thực hiện thủ tục pháp lý để đẩy mạnh triển khai thực hiện. Đối với dự án chuyển tiếp thuộc dự án cấp tỉnh, UBND huyện kiến nghị các sở ban ngành rà soát nguồn vốn. Trường hợp chưa có vốn cần bố trí hoặc phân bổ nguồn vốn ngay, trường hợp không có vốn đề nghị rút danh mục ra khỏi kế hoạch.

- UBND huyện kiến nghị các sở, ban ngành rà soát tiến độ, pháp lý dự án để xác định đến thời điểm đăng ký nhu cầu sử dụng đất có thuộc trường hợp Điều 52 luật Đất đai quy định, “căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất” dựa vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

6.3.2. Giải pháp về giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện; có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp có tình chậm triển khai thực hiện dự án hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bắt buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Thực hiện tốt chính sách về bồi thường, hỗ trợ tái định cư, chính sách về đào

tạo ngành nghề cho những người bị thiếu đất hoặc mất đất sản xuất nông nghiệp.

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Bên cạnh đó, tuyên truyền vận động nhân dân và nhà nước cùng làm, để xây dựng các dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh theo các Đề án đã được duyệt. Đồng thời, phải có biện pháp ưu đãi thiết thực đối với nhân dân khi đóng góp; có kế hoạch bố trí vốn từ ngân sách Nhà nước để chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

- Đối với các công trình sử dụng toàn bộ bằng nguồn vốn ngân sách, địa phương sẽ tổ chức kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư sớm hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiến hành thực hiện việc khảo sát đo đạc, cắm mốc và lập phương án bồi thường, thu hồi đất theo từng dự án, công trình, nhằm khắc phục tình trạng triển khai chậm do ách tắc bởi công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách, địa phương sẽ tiếp tục cải cách các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư; đồng thời quản lý và thực hiện tốt công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Chú trọng đến các giải pháp thu hút vốn nhàn rỗi của các tầng lớp dân cư vào đầu tư phát triển; đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Đối với các khu vực cho phép người dân chuyển mục đích sử dụng đất, địa phương sẽ tăng cường việc phổ biến, hướng dẫn các quy định pháp luật về đất đai để người dân hiểu rõ và thực hiện theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

6.4. Các giải pháp khác

- Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên đất; quan trắc môi trường trong cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn. Khuyến khích đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị.

- Thúc đẩy nghiên cứu các giống cây trồng có khả năng chống, chịu mặn, ngập úng nhằm chuẩn bị để thích ứng với những biến đổi trong tương lai. Đồng thời, tìm kiếm, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về thích ứng với khả năng biến đổi khí hậu và thích nghi với nhiễm mặn, nhiễm phèn...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành là một phần nội dung của quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030; kết hợp với việc tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương trong năm 2025, và căn cứ vào điều tra đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Vì vậy, có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành, địa phương và phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện là căn cứ để khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai, lao động trên địa bàn nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Nội dung, trình tự thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện đã tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Kết quả lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững đảm bảo các nguyên tắc: sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường; bảo vệ và tôn tạo di tích lịch sử văn hoá.

2. KIẾN NGHỊ

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành đạt hiệu quả cao, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của huyện; hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất. Đề nghị:

- UBND tỉnh sớm phê duyệt kế hoạch để huyện Châu Thành làm căn cứ tổ chức thực hiện và quản lý sử dụng đất đai đúng pháp luật, có hiệu quả cao.

- Tỉnh cần tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện.

- Tỉnh sớm có cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi về giao đất, cho thuê đất; tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư,... để thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án trên địa bàn huyện trong năm kế hoạch.

- Tỉnh có chính sách đầu tư, hỗ trợ, đặc biệt là đối với phát triển cơ sở hạ tầng để huyện hoàn thành các công trình, dự án trên địa bàn nhằm thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 mà huyện đã đề ra./.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

Theo Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Ghi chú
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Châu Thành	
2	Biểu 04/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước huyện Châu Thành	
3	Biểu 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành	
4	Biểu 18/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 của huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành không còn đất chưa sử dụng nên không có biểu này
5	Biểu 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Châu Thành	
6	Biểu 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành	
7	Biểu 21/CH	Diện tích các khu vực lân biển đưa vào sử dụng theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành không tiếp giáp biển nên không có biểu này
8	Biểu 24/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Châu Thành	
9	Biểu 25/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2025 huyện Châu Thành	

PHẦN PHỤ LỤC

STT	Ký hiệu	Nội dung	Ghi chú
1	Phụ lục 1	Danh mục công trình, dự án thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất, điều chuyển, cấp GCN QSDĐ trong năm 2025 của huyện Châu Thành	
2	Phụ lục 2	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Châu Thành phân theo chỉ tiêu sử dụng đất	
3	Phụ lục 3	Bản vẽ các vị trí, ranh giới các dự án có thu hồi đất trong Diện tích năm kế hoạch 2025	